

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 5000887158**

*Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 07 năm 2021*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 16 tháng 08 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HM GROUP ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Tổ 9, Phường An Tường, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

Điện thoại: 02073816816

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 5.600.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/07/1975 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025075001718

Ngày cấp: 09/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Tổ 2, Phường Ý La, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 2, Phường Ý La, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Châu Thị Lợi**

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công cổ phần công nghệ môi trường HM Group tại Văn bản số 45/CV-HM ngày 08/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 163/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 9 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM group (địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nhữ Khê, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000887158 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (*nay là Sở Tài chính*) cấp đăng ký lần đầu 19/7/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/8/2024.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; được điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; được điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Mã số thuế: 5000887158.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1) được thực hiện trên khu đất quy hoạch có diện tích 13 ha tại xã Nhữ Khê, tỉnh Tuyên Quang.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí Luật Đầu tư công*).

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Quy mô công suất (Giai đoạn 1) theo báo cáo nghiên cứu khả thi của Chủ đầu tư: Tổng công suất giai đoạn 1 là 245 tấn/ngày, trong đó công suất xử lý chất thải rắn sinh hoạt là 160 tấn/ngày và công suất xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường là 85 tấn/ngày.

+ Các hạng mục công trình chính (Giai đoạn 1): Đầu tư lắp đặt 02 lò đốt rác thải có tận dụng hơi và nhiệt (tổng công suất xử lý 192 tấn rác thải đầu vào/ngày); dây chuyền sấy gỗ công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày; dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày; dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày; 02 ô chôn lấp chất thải rắn tro, tro xỉ tổng diện tích 8.535,7m<sup>2</sup>; hệ thống thu gom, thoát nước mặt; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, tuần hoàn tái sử dụng nước thải và công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM group

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM group có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành (*quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường*). Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND cấp ngày 22/9/2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (02 bản chính);
- Các sở: TC, XD, CT, KH&CN;
- UBND xã Nhữ Khê;
- Như Điều 4;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty CP công nghệ môi trường HM group;
- Lưu: VT, KTN (Cường).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**Phụ lục 1:****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: Khí thải sau xử lý phát sinh từ lò đốt chất thải sinh hoạt.
- Nguồn số 2: Khí thải sau xử lý phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp thông thường.
- Nguồn số 3: Khí thải sau xử lý phát sinh từ xưởng sản xuất hạt nhựa.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (03 dòng khí thải)****2.1. Dòng khí thải 01:** Dòng khí thải tại ống khói lò đốt chất thải sinh hoạt.

2.1.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải: X=2401545,69; Y=417045,34. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°.

2.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.1.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C, cụ thể như sau:

TT	Thành phần	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	m <sup>3</sup> /h	-		Quan trắc tự động, liên tục
2	Áp suất (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	MPa	-		
3	Nhiệt độ (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	°C	-		
4	O <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	-		
5	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤45		
6	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤150		
7	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤300		
8	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	≤30		
9	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤200		
10	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤25	Định kỳ 06 tháng/lần	
11	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	≤4		
12	F	mg/Nm <sup>3</sup>	≤4		
13	Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	≤0,08		
14	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi		≤50		

TT	Thành phần	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	(tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen)			Định kỳ 06 tháng/lần	
15	Tổng các kim loại (Sb, As, Pb, Cr, Co, Cu, Mn, Ni, V và các hợp chất tương ứng)		$\leq 0,5$		
16	Dioxin/Furan		$\leq 0,3$	Định kỳ 01 năm/lần	

**2.2. Dòng khí thải 02:** Dòng khí thải tại ống khói lò đốt chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải: X= 2401549,58; Y=417047,65. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $106^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ .

2.2.2. Lưu lượng xả thải tối đa: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục trong quá trình sản xuất.

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C, cụ thể như sau:

TT	Thành phần	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	m <sup>3</sup> /h	-		Quan trắc tự động, liên tục
2	Áp suất (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	MPa	-		
3	Nhiệt độ (buồng sơ cấp, thứ cấp và ống khói)	°C	-		
4	O <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	-		
5	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 45$		
6	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 150$		
7	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 300$		
8	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 30$		
9	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 200$		
10	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 25$	Định kỳ 06 tháng/lần	
11	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 4$		
12	F	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 4$		
13	Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 0,08$		
14	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen)		$\leq 50$		
15	Tổng các kim loại (Sb, As, Pb, Cr, Co, Cu, Mn, Ni, V và các hợp chất tương ứng)		$\leq 0,5$	Định kỳ 06 tháng/lần	

TT	Thành phần	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
16	Dioxin/Furan		$\leq 0,3$	Định kỳ 01 năm/lần	

**2.3. Dòng khí thải 03:** Dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tái chế hạt nhựa.

2.3.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải: X=2401525,69; Y=417198,71. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°.

2.3.2. Lưu lượng xả thải tối đa: 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục trong quá trình sản xuất.

2.3.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C, cụ thể như sau:

TT	Thành phần	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Định kỳ 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Áp suất	MPa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
5	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 100$		
6	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 350$		
7	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 500$		
8	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 20$		
9	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ: Benzen, Toluen)	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 150$		
10	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	$\leq 100$		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về thiết bị xử lý khí thải**

- Dòng khí thải 01: Khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt được xử lý trực tiếp bằng hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với lò đốt.

- Dòng khí thải 02: Khí thải lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường được xử lý trực tiếp bằng hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với lò đốt.

- Dòng khí thải 03: Khí thải từ xưởng sản xuất, tái chế hạt nhựa qua chụp hút, theo đường ống dẫn về thiết bị xử lý khí thải.

### 1.2. Thiết bị xử lý bụi, khí thải

### **1.2.1. Thiết bị xử lý bụi, khí thải lò đốt (Chất thải rắn sinh hoạt + Chất thải rắn công nghiệp thông thường)**

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị trao đổi nhiệt gián tiếp giữa khí thải và môi chất là nước (Nồi hơi thu hồi nhiệt) → Hấp thụ bằng dung dịch kiềm (phun NaOH) → Thiết bị Cyclone → Lọc bụi túi vải → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò đốt và hệ thống xử lý bụi, khí thải.

+ Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố.

+ Khi hệ thống xử lý khí thải của lò đốt gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.1.4, 2.2.4 Phần A Phụ lục này thì dừng nạp chất thải và thực hiện theo quy trình ứng phó sự cố đã xây dựng cho đến khi hoàn thành việc khắc phục sự cố.

### **1.2.2. Thiết bị xử lý khí thải sản xuất, tái chế hạt nhựa**

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Đường kính ống thu gom kết nối với chụp hút bằng inox đường kính D 250mm.

- Đường ống thu gom kết nối với thùng than hoạt tính và ống thải bằng các ống inox đường kính D=500mm. Chụp hút dạng phễu với đường kính phễu là 450mm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị xưởng sản xuất, tái chế hạt nhựa và hệ thống xử lý bụi, khí thải.

+ Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố.

+ Khi hệ thống xử lý khí thải sản xuất, tái chế hạt nhựa gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.4 Phần A Phụ lục này thì dừng hoạt động sản xuất và thực hiện theo quy trình ứng phó sự cố đã xây dựng cho đến khi hoàn thành việc khắc phục sự cố.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

**1.3.1. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:**

- Số lượng: 01.

- Vị trí lắp đặt: Ống khói lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (thông số lưu lượng, áp suất, nhiệt độ lắp đặt thêm tại buồng sơ cấp, thứ cấp).

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng; áp suất; nhiệt độ; O<sub>2</sub>; bụi; SO<sub>2</sub>; NO<sub>x</sub>; HCl; CO.

- Camera theo dõi: Lắp đặt camera để cung cấp hình ảnh trực tuyến tại vị trí đặt các thiết bị quan trắc của hệ thống đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để quản lý, giám sát theo quy định.

*1.3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục của lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Số lượng: 01.

- Vị trí lắp đặt: Ống khói lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường (thông số lưu lượng, áp suất, nhiệt độ lắp đặt thêm tại buồng sơ cấp, thứ cấp)

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng; áp suất; nhiệt độ; O<sub>2</sub>; bụi ; SO<sub>2</sub>; NO<sub>x</sub>; HCl; CO.

- Camera theo dõi: Lắp đặt camera để cung cấp hình ảnh trực tuyến tại vị trí đặt các thiết bị quan trắc của hệ thống đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để quản lý, giám sát theo quy định.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý bụi, khí thải của nhà máy.

- Khi các hệ thống xử lý khí thải của các hệ thống, thiết bị gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

#### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình, thiết bị xử lý khí thải (trong quý I năm 2026).

#### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Hệ thống, thiết bị xử lý khí thải xưởng sản xuất, tái chế hạt nhựa.

#### **2.3. Vị trí lấy mẫu**

- Ống khói lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

- Ống khói lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Ống thoát khí thải của xưởng sản xuất, tái chế hạt nhựa.

**2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

**2.5. Tần suất lấy mẫu:** Lấy 03 mẫu tổ hợp trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn thiết bị xử lý khí thải vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Phải hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang. Các thiết bị quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định đối với đầy đủ các thông số, Công ty được miễn thực hiện quan trắc khí thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động liên tục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để phục vụ thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2:****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Skip cấp rác lò đốt chất thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Skip cấp rác lò đốt chất thải công nghiệp.
- Nguồn số 03: Máy băm cắt nhựa.
- Nguồn số 04: Máy cắt tạo hạt nhựa.
- Nguồn số 05: Máy nén khí (HTXL nước thải).

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

a) Kể từ khi cấp phép đến hết ngày 31/12/2026

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2010/BTNMT, đơn vị dBA	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	55

- Giới hạn đối với độ rung của cơ sở:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2010/BTNMT, đơn vị dB	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	60

b) Kể từ ngày 01/01/2027 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BNNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn:

		Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	QCVN 26:2025/BNNMT, đơn vị dBA		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
	Khu vực E (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	70	65	60

- Giới hạn đối với độ rung:

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2025/BNNMT, đơn vị dB	
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
	Khu vực D (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	75	70

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
3. Trồng cây xanh để tạo cảnh quan đồng thời hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

**Phụ lục 3:****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng TB kg/năm	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	180	19 08 10
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	100	15 02 02
3	Than hoạt tính thải	Rắn	29.100	19 01 10
4	Pin, ắc quy hỏng thải	Rắn	20	20 01 33
5	Mực in thải	Rắn/lỏng	10	08 03 12
6	Hộp mực in thải	Rắn	7	08 03 17
7	Bùn thải từ trạm xử lý nước	Bùn	7.500	19 08 11
8	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1.200	15 01 10
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>38.117</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:** Bao bì PP, PE, túi nilon, màng co, xốp lót hoặc giấy carton,... không chứa thành phần nguy hại khối lượng phát sinh khoảng 7.300 kg/năm.

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khoảng 9.125 kg/năm.

**1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng TB kg/tháng	Mã Chất thải
1	Tro xỉ lò đốt	Rắn	480	04 02 01
2	Tro bay	Rắn	48	04 02 01
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>528</b>	

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

a) *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị thùng chứa có nắp đậy dung tích 200 lít được dán mã CTNH theo quy định.

b) *Khu vực lưu chứa:*

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 50 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che

kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ. Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố; có biển cảnh báo...

## **2.2. Biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường**

- Các loại bao bì nhựa sạch (như PE, PP, màng co) không nhiễm bẩn được đưa trở lại dây chuyền nghiền, rửa và sản xuất hạt nhựa tái sinh, theo quy trình khép kín nội bộ.

- Bao bì nhiễm bẩn, xốp lót bẩn, giấy carton rách nát hoặc nhựa lẫn nhiều tạp chất được chuyển thẳng đến hệ thống lò đốt chất thải của nhà máy để xử lý nhiệt hoàn toàn, không phát tán ra môi trường.

## **2.3. Biện pháp xử lý chất thải rắn phải kiểm soát**

Tro bay được xử lý hóa rắn nhằm ổn định trạng thái, bất động hóa kim loại nặng và giảm khả năng hòa tan, trước khi vận chuyển chôn lấp cùng tro xỉ lò đốt trong bãi chôn lấp chất thải của dự án có diện tích 8.535,7m<sup>2</sup>.

## **2.4. Biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Bố trí các thùng chứa và vận chuyển, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về nhà máy xử lý.

- Sử dụng các loại chế phẩm sinh học xử lý khử mùi, phân hủy, kháng bệnh trong quá trình xử lý chất thải rắn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM group có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến chất thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do chất thải cấp cơ sở (*sự cố tắc nghẽn, bục đường ống thu gom và xử lý nước thải, khí thải; sự cố rò rỉ, tràn đổ chất thải nguy hại; sự cố bục, vỡ ô chôn lấp chất thải do mưa lũ, ngập úng*), công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

3. Bố trí các thiết bị chắn rác để tránh tắc đường ống thu gom, tiêu thoát nước thải; định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước thải; định kỳ hút bùn của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không để nước thải chưa xử lý rò rỉ, chảy tràn ra ngoài môi trường.

4. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố bục, vỡ ô chôn lấp chất thải và sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG****1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Thực hiện cải tạo bãi chôn lấp chất thải có diện tích 8.535,7m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật hiện hành

**2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường**

Cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp bằng cách phủ lớp đất màu rồi tiến hành đào hố trồng cây keo tai tượng để phủ xanh toàn bộ diện tích; tạo rãnh thoát nước, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước và lắp đặt các biển báo, chỉ dẫn an toàn.

**3. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ**

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: 706.046.154 đồng.
- Số tiền ký quỹ hằng năm:  $706.046.154 \text{ đồng} / 16 = 44.127.885 \text{ đồng}$  (Số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025).
- Thời gian thực hiện ký quỹ: Chủ đầu tư dự án thực hiện ký quỹ từ ngày được cấp Giấy phép môi trường đến khi kết thúc hoạt động của bãi chôn lấp (16 năm). Việc ký quỹ hằng năm được thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện theo các quy định về đóng bãi chôn lấp khi kết thúc hoạt động theo quy định tại Điều 32 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*).

6. Ưu tiên tiếp nhận, xử lý hết lượng chất thải rắn sinh hoạt của các xã, phường thuộc tỉnh Tuyên Quang theo phân luồng của cấp có thẩm quyền chuyển về nhà máy trước khi xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

7. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./

Số: 899 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2021)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Thông báo số 405-TB/TU ngày 31/12/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 967/BC-SKH ngày 05/12/2021 về việc báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung sau:

**1. Nhà đầu tư:** Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000887158 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp; Đăng ký lần đầu, ngày 19/7/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 02/12/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 172, đường Kim Quan, tổ 6, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương; Sinh ngày 29/9/1979; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 131679675 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 18/3/2019; thường trú tại: Số nhà 134, tổ 01, phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện tại: Số nhà 134, tổ 01, phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

**2. Tên dự án:** Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**3. Mục tiêu dự án:** Xử lý rác thải và tái chế phế liệu trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và khu vực lân cận, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.

**4. Quy mô của dự án:**

- Quy mô công suất: Xử lý rác thải với công suất 160 tấn rác/ngày và sản xuất, tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; nhà xưởng phân loại rác, xưởng sản xuất phân vi sinh; lò đốt; Khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết, phân loại rác thải; các công trình phụ trợ, cây xanh;...

**5. Địa điểm và diện tích đất thực hiện:**

- Địa điểm: xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. - Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 30ha; trong đó:

+ Giai đoạn 1: Thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy và các hạng mục phụ trợ với diện tích khoảng 13 ha.

+ Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mở rộng khu tiếp nhận rác hiện nay đang chôn, lắp các hạng mục còn lại của dự án với diện tích 17 ha.

**6. Vốn và nguồn vốn đầu tư:**

- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).

- Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 126.000.000.000 đồng.

**7. Thời hạn thực hiện dự án:** 50 năm (năm mươi năm).

**8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Từ quý IV/2021 đến quý III/2023: Thực hiện chuẩn bị đầu tư và đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha;

- Từ quý IV/2023 đến quý IV/2025: Thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng các hạng dự án trên diện tích 17 ha.

### **9. Về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư**

Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

### **10. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động; các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư dự án và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tiếp thu và thực hiện nghiêm ý kiến thẩm định của các cơ quan, địa phương liên quan và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại báo cáo thẩm định số 967/BC-SKH ngày 05/12/2021 và Thông báo số 405-TB/TU ngày 31/12/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư.

- Việc chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình triển khai đầu tư, nếu có thay đổi nội dung quy định tại Chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung theo đề xuất dự án, nhà đầu tư liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn, thực hiện.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện dự án; kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề nghị của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường** chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định đơn giá cung cấp dịch vụ, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

**3. Các sở:** Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra Nhà đầu tư thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và các nội dung được quy định tại Quyết định này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Nhà đầu tư nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐC (cườngvv)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

Số: 427/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2021)  
(điều chỉnh lần thứ 1: ngày 26 tháng 11 năm 2024)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; đã được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo số 1152-TB/TU ngày 15/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy chủ trương một số dự án đầu tư;

Theo Báo cáo thẩm định số 96/BC-SKH ngày 07/3/2024; Văn bản số 1820/SKH-KTN ngày 29/8/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về đề nghị điều chỉnh

chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021), với nội dung điều chỉnh như sau:

### **1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất.**

- Nội dung thông tin người đại diện theo pháp luật đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

“ - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000887158 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp; Đăng ký lần đầu, ngày 19/7/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 02/12/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 172, đường Kim Quan, tổ 6, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương; Sinh ngày 29/9/1979; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 131679675 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 18/3/2019; thường trú tại: Số nhà 134, tổ 01, phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện tại: Số nhà 134, tổ 01, phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ”

- Được điều chỉnh như sau:

“- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000887158 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp; Đăng ký lần đầu ngày 19/7/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/8/2024.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Hùng; Sinh ngày 26/7/1975; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 0250755001718 do Cục Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội cấp ngày 09/4/2021; Thường trú tại: Tổ 02, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện tại: Tổ 02, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.”

### **2. Nội dung điều chỉnh thứ hai.**

- Nội dung tiến độ thực hiện dự án đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

“- Từ quý IV/2021 đến quý III/2023: Thực hiện chuẩn bị đầu tư và đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ giai đoạn 1 trên diện tích đất 13 ha.”

- Được điều chỉnh như sau:

- *Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Công ty Cổ phần công nghệ môi trường HM Group.**

- Thực hiện đúng các nội dung được quy định tại Quyết định này, các quy định của pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đăng ký hoạt động của dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn giao thông; các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư dự án và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tiếp thu và thực hiện nghiêm ý kiến thẩm định của các cơ quan, địa phương liên quan và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại báo cáo thẩm định số 96/BC-SKH ngày 07/3/2024.

- Về tiến độ thực hiện dự án: Dự án sẽ không được xem xét gia hạn lần tiếp theo nếu do Nhà đầu tư chậm triển khai thực hiện.

Trường hợp Công ty Cổ phần công nghệ môi trường HM Group không thực hiện đúng các quy định nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan liên quan xem xét chấm dứt hoạt động của dự án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư đã cấp và Quyết định này.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện dự án; chủ động giải quyết các công việc liên quan theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý (nếu vượt quá thẩm quyền). Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và sự tuân thủ các quy định của pháp luật tại Báo cáo số 96/BC-SKH ngày 07/3/2024 và Văn bản số 1820/SKH-KTN ngày 29/8/2024.**

3. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải, Tài chính, Xây dựng, các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án; theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, hướng dẫn Công ty Cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thường trực Tỉnh Ủy tại Thông báo số 1152-TB/TU ngày 15/10/2024 và Thông báo số 405-TB/TU ngày 31/12/2021.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần công nghệ môi trường HM Group; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty Cổ phần công nghệ môi trường HM Group và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT(cường v).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Giang**

Số: 288/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2021)  
(điều chỉnh lần thứ 1: ngày 26 tháng 11 năm 2024)  
(điều chỉnh lần thứ 2: ngày 19 tháng 6 năm 2025)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư, nhà ở, đấu thầu, điện lực, doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021 ngày 03/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Thông báo số 1358-TB/TU ngày 13/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ về chủ trương một số dự án đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường (Giai đoạn 1) Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18/01/2025 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1);*

*Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND huyện Yên Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét Báo cáo thẩm định số 194/BC-STC ngày 26/5/2025 của Sở Tài chính về kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 1 tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024), với nội dung điều chỉnh như sau:

### **1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất**

- Mục tiêu của dự án đã quy định tại đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh: “Xử lý rác thải và tái chế phế liệu trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và khu vực lân cận, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.”.

- Được điều chỉnh như sau: “Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và tái chế phế liệu, tận thu nhiệt góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.”.

### **2. Nội dung điều chỉnh thứ hai**

- Quy mô của dự án đã quy định tại đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh: “- Quy mô công suất: Xử lý rác thải với công suất 160 tấn rác/ngày và sản xuất, tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế. - Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; nhà xưởng phân

loại rác, xưởng sản xuất phân vi sinh; lò đốt; khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết, phân loại rác thải; các công trình phụ trợ, cây xanh;...”.

- Được điều chỉnh như sau: “- Quy mô công suất: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 300 tấn rác/ngày; xử lý rác thải công nghiệp thông thường công suất 100 tấn/ngày (bao gồm: Chất thải được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,... được quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định hiện hành có liên quan); tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; xưởng sản xuất, tái chế, sấy, nhà kho; lò đốt (sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả về môi trường và kinh tế); khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết; các công trình phụ trợ, cây xanh; học chôn lấp rác tro và tro xỉ sau đốt...”.

### 3. Nội dung điều chỉnh thứ ba

- Vốn và nguồn vốn đầu tư của dự án đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh: “- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).

Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 126.000.000.000 đồng.”.

- Được điều chỉnh như sau: “- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 196.000.000.000 đồng.”.

### 4. Nội dung điều chỉnh thứ tư

- Tiến độ thực hiện dự án đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh:

“- Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).

Giai đoạn 2: Từ quý IV/2023 đến quý IV/2025: Thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng các hạng mục dự án trên diện tích 17 ha.”.

- Được điều chỉnh như sau: “- Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào vận hành (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).

Giai đoạn 2: Từ quý I/2026 đến quý IV/2027, chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng thêm lò đốt và hệ thống xử lý chất thải rắn trên diện tích 13 ha đất của giai đoạn 1 và phần diện tích mở rộng khoảng 17 ha đã quy hoạch, hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.**

- Thực hiện đúng các nội dung được quy định tại Quyết định này, các quy định của pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn giao thông; các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư dự án và các quy định pháp luật có liên quan. Quá trình hoạt động không được gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tại địa bàn.

- Tiếp thu và thực hiện nghiêm ý kiến thẩm định của các cơ quan, địa phương liên quan và Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 194/BC-STC ngày 26/5/2025.

- Trường hợp Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group không thực hiện đúng các quy định nêu trên, Sở Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan liên quan xem xét chấm dứt hoạt động của dự án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đã cấp và Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện dự án; chủ động giải quyết các công việc liên quan theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý (nếu vượt quá thẩm quyền). Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và sự tuân thủ các quy định của pháp luật tại Báo cáo số 194/BC-STC ngày 26/5/2025.

3. Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi Trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án; theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1358-TB/TU ngày 13/6/2025.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chi cục Thuế khu vực VII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group, Sở Tài chính và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như khoản 2 Điều 3 (thực hiện);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (CườngKT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Giang**

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải  
xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

**UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 31/12/2021);

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND của ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thu hồi đất xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (bổ sung);

Căn cứ Văn bản số 1169/UBND-TNMT ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng diện tích đất tại Bãi rác Nhữ Khê, huyện Yên Sơn;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-SKH ngày 26/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư dự án: Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (của Công ty Cổ phần liên doanh môi trường Việt Nam - Na Uy);

Căn cứ Văn bản số 1422/STNMT-QLDD ngày 10/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện cho thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 2388/SXD-QHĐT ngày 23/11/2022 của Sở Xây dựng về quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 06/TTr-KTHT ngày 10/01/2023 về đề nghị phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

#### **2. Địa điểm, ranh giới và quy mô quy hoạch**

2.1. Địa điểm quy hoạch: Xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Ranh giới quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc địa giới hành chính xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất trồng cây hàng năm của các hộ dân.
- Phía Nam giáp ao sinh thái và khu đất tiếp nhận rác hiện nay.
- Phía Tây giáp đôi trồng cây hàng năm của các hộ dân và dự án đầu nối đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.
- Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất của các hộ dân.

2.3. Nguồn gốc đất: Khu vực lập Quy hoạch hiện trạng là đất bãi thải, xử lý chất thải do Công ty cổ phần Dịch vụ môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê quản lý (đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định số 302/QĐ-UBND của ngày 07/9/2010 và Ủy ban nhân dân huyện thu hồi tại Quyết định số 128/QĐ-UBND của ngày 22/9/2020).

**3. Đơn vị tư vấn Khảo sát lập bản đồ địa hình và Lập quy hoạch chi tiết:** Liên danh Trung tâm Quy hoạch xây dựng và Công ty TNHH một thành viên Kiến Trúc Phố Xanh.

#### 4. Quy mô quy hoạch

##### 4.1. Quy hoạch sử dụng đất

- Diện tích khu đất quy hoạch là 130.000m<sup>2</sup> (13,0 ha), được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A3, A4, A5... A30, A31, A32, A1.

- Diện tích đất giao thông và hành lang an toàn đường bộ là: 3.100m<sup>2</sup> (0,31 ha), được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A3, A4, A5... A8, A9, B7, B6, B5, B4, B3, B2, B1, A1.

**BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	CHỨC NĂNG LOẠI ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	CÁC CHỈ TIÊU				TỈ LỆ (%)
				MẶT ĐỘ XD	TÀNG CAO	HỆ SỐ SDB	CHIỀU CAO CT (M)	
<b>1</b>	<b>Đất công trình</b>	<b>CT</b>	<b>19.250</b>	<b>14,81</b>				<b>14,81</b>
1.1	Nhà bảo vệ 1	CT-01	9	0,01	1	0,0001	4,5	0,01
1.2	Nhà bảo vệ 2	CT-01.1	9	0,01	1	0,0001	4,5	0,01
1.3	Nhà ăn, nhà nghỉ chờ ca	CT-02	220	0,17	1	0,0017	4,8	0,17
1.4	Nhà làm việc, văn phòng	CT-03	260	0,20	2	0,004	9,2	0,20
1.5	Nhà khách, nhà nghỉ công nhân	CT-04	400	0,31	1	0,0031	4,8	0,31
1.6	Nhà để xe cán bộ công nhân 1	CT-05	29	0,02	1	0,0002	4,5	0,02
1.7	Nhà để xe cán bộ công nhân 2	CT-05.1	29	0,02	1	0,0002	4,5	0,02
1.8	Nhà để xe cán bộ công nhân 3	CT-05.2	168	0,13	1	0,0013	4,5	0,13
1.9	Nhà xưởng cơ khí + kho tổng hợp	CT-06	2.100	1,62	1	0,0162	18,0	1,62
1.10	Nhà xưởng sản xuất hạt nhựa	CT-07	2.975	2,29	1	0,0229	18,0	2,29
1.11	Lò đốt rác	CT-08	1.800	1,38	1	0,0138	18,0	1,38
1.12	Bể tiếp nhận và giảm ẩm	CT-09	620	0,48				0,48
1.13	Nhà xưởng tách lựa rác	CT-10	1.000	0,77	1	0,0077	18,0	0,77
1.14	Nhà xưởng tiếp nhận rác	CT-11	1.250	0,96	1	0,0096	18,0	0,96
1.15	Nhà xưởng hệ thống thùng ủ rác	CT-12	700	0,54	1	0,0054	18,0	0,54
1.16	Sân phơi rác có mái che	CT-13	1.200	0,92	1	0,0092	18,0	0,92
1.17	Hệ thống mái che di động	CT-14	980	0,75	1	0,0275	18,0	0,75
1.18	Nhà xưởng sản xuất phân bón	CT-15	3.150	2,42	1	0,0242	18,0	2,42
1.19	Trạm cân	CT-16	63	0,05				0,05
1.20	Trạm biến áp	CT-17	122	0,09				0,09
1.21	Cầu rửa xe ra vào	CT-18	66	0,05				0,05
1.22	Khu xử lý nước thải	CT-19	1.820	1,40				1,40
1.23	Bể nước, giếng khoan nước sản xuất + sinh hoạt và PCCC	CT-20	280	0,22	1	0,0022	4,5	0,22
<b>2</b>	<b>Khu vực chôn lấp rác vô cơ</b>	<b>RVC</b>	<b>6.756</b>					<b>5,20</b>
<b>3</b>	<b>Đất mặt nước</b>	<b>MN</b>	<b>14.525</b>					<b>11,17</b>
<b>4</b>	<b>Đất bãi để xe</b>	<b>P</b>	<b>2.595</b>					<b>2,00</b>

STT	CHỨC NĂNG LOẠI ĐẤT	KI HIỆU	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	CÁC CHỈ TIÊU				TỈ LỆ (%)
				MẶT ĐỘ XD	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDB	CHIỀU CAO CT (M)	
5	Đất thể thao	TT	246					0,19
6	Kè	K	1.733					1,33
7	Đất cây xanh	CX	62.744					48,26
7.1	Đất cây xanh cảnh quan	CXCQ	39.850					30,65
7.2	Đất cây xanh cách ly	CXCL	22.894					17,61
8	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật		22.151					17,04
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>130.000</b>					<b>100</b>

## 4.2. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### a. San nền

- Lựa chọn cao độ khống chế san nền cho khu quy hoạch từ +51.60 đến +53.60.

- Hướng san nền tập trung dốc về phía hướng Tây và Tây Nam tại các vị trí có công thoát nước qua đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Cốt cao độ đáy cống tại khu vực cống 2,0m x 2,0m tại lý trình Km7 + 739,19 được xác định và thiết kế 39.27), đảm bảo thoát nước khu vực quy hoạch.

- San nền các lô đất được giới hạn bởi các đường giao thông xung quanh, tạo hướng dốc từ trong lô đất ra xung quanh, độ dốc san nền  $i = 0,05\% \div 4,1\%$  để đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi.

- Cao độ tại các nút giao thông xác định phù hợp với mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

\* Cụ thể: Cao độ tìm đường thấp nhất: +48.31; cao độ tìm đường cao nhất: +55.95.

### b. Quy hoạch giao thông

Quy hoạch với định hướng bám và đầu nối theo các trục giao thông chính. Toàn bộ khu quy hoạch có 03 loại đường giao thông như sau:

- Tuyến đường kết nối khu vực (Mặt cắt 1-1) có chiều rộng 13,5m: Mặt đường rộng 7,5m, hành lang mỗi bên rộng 3,0m.

- Tuyến đường nội bộ (Mặt cắt 2-2) có chiều rộng 11,5m: Mặt đường rộng 5,5m, hành lang mỗi bên rộng 3,0m; khoảng lùi công trình được giới hạn 2,0m.

- Tuyến đường phục vụ bãi chôn lấp rác thải vô cơ (Mặt cắt 3-3) có chiều rộng 26,0m: Mặt đường rộng 20,0m, hành lang mỗi bên rộng 3,0m.

- Độ dốc ngang vỉa hè  $i = 1,5\%$ ; Độ dốc ngang đường  $i = 2,0\%$ .

- Bán kính cong bó vỉa:  $R = 8m$  đến  $30m$  tùy theo nút giao.

### c. Quy hoạch cấp điện

- Xây dựng mới các tuyến đường cấp điện ngầm 35(22)kV.
- Xây dựng mới 2 trạm biến áp 35(22)/0,4kV với công suất lần lượt là 900KVA và 900KVA tại mặt bằng Nhà máy xử lý rác.
- Hệ thống cấp điện dự phòng sự cố đảm bảo từ 50% đến 60% phụ tải.
- Lưới điện 0,4kV:
  - + Xây dựng mới các tuyến cáp loại Cu/XLPE/PVC-0,61kV, tiết diện (4x70 đến 4x240)mm<sup>2</sup> cấp điện cho hệ thống tủ hạ thế, tủ công tơ. Cáp được luồn trong ống HDPE, đi ngầm.
  - + Tủ điện công tơ phân phối đến từng tòa nhà trong phạm vi khu quy hoạch.
- Chiếu sáng đường giao thông trong khu vực quy hoạch:
  - + Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng được cấp từ các lộ trong tủ phân phối điện hạ thế của TBA 35(22)/0,4kV xây dựng mới của dự án.
  - + Chiếu sáng đường giao thông sử dụng đèn LED loại ngoài trời, công suất bóng 150W-220V. Đèn có cần đèn được chụp trên đỉnh cột điện bê tông ly tâm.

### d. Chống sét

Các dãy nhà trong toàn khu nhà máy được nối đất chống sét kiểu Franklin, kim và các dây thu sét trên mái dẫn xuống hệ thống nối đất gồm thanh và cọc chôn sâu 0,8m, điện trở nối đất  $R_{nd} \leq 10 \Omega$ .

### e. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch, giai đoạn đầu được lấy từ nguồn nước giếng khoan của Nhà máy. Xây dựng 02 bể chứa nước cung cấp cho Nhà máy, toàn bộ đường ống cấp nước bằng ống HDPE.
- Nước cấp cho các công trình trong khu quy hoạch theo dạng mạch vòng kết hợp mạng cụt. Tuyến ống chính sử dụng ống D110, tuyến ống nhánh dẫn vào các điểm tiêu thụ nước bằng đường ống D63; các tuyến ống phân phối D32mm là mạng cụt cấp nước vào đến các công trình.
- Hạng nước cứu hỏa D110 được bố trí tại các khu vực Nhà xưởng sản xuất, Nhà văn phòng và Nhà ở cán bộ công nhân viên, đường ống cấp nước cứu hỏa đầu nối trực tiếp với đường ống cấp nước chính. Ngoài ra nguồn nước tại hồ điều hòa cũng tính đến việc ứng cứu.
- Sử dụng hệ thống bể chứa dự trữ nước tại các khu vực sản xuất để tưới cây rửa đường và phun nước chống bụi.

### f. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc

- Khi triển khai dự án cần liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành để được hướng dẫn thiết kế đầu nối mạng lưới thông tin liên lạc của khu quy hoạch với hệ thống chung của khu vực.
- Cáp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực.

- Từ tủ cấp thông tin liên lạc đi ngầm theo hệ thống điện sinh hoạt vào các khối nhà trong công trình.

#### g. Quy hoạch thoát nước

- Hướng thoát nước mặt và nước sinh hoạt được thiết kế bám theo độ dốc san nền, đảm bảo nước tự chảy, hướng thoát nước tập trung dốc về phía hướng Tây và Tây Nam tại các vị trí có công thoát nước qua đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Hệ thống thoát nước mặt: Được thu theo công hộp bê tông cốt thép bố trí 2 bên đường có kích thước (600x600)mm và (600x800)mm. Toàn bộ được tiêu thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực và một phần thoát về phía hồ chứa (Bố trí 03 ngăn). Hướng thoát nước trong khu quy hoạch theo độ dốc địa hình và theo nguyên tắc tự chảy.

- Hệ thống thoát nước thải (*nước thải sinh hoạt và nước rỉ rác trong quá trình vận hành sản xuất*): Nước thải được thu về khu xử lý của Nhà máy sau đó xử lý đảm bảo tiêu chuẩn rồi mới cho xả vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực.

#### h. Vệ sinh môi trường, thu gom chất thải rắn

- Đăng ký chủ nguồn thải đối với các loại chất thải (*Đặc biệt là chất thải trong quá trình vận hành khai thác và sản xuất*).

- Các loại chất thải khác nhau phải được đựng trong túi, thùng khác nhau. Các túi, thùng đựng này phải tuân thủ theo một hệ thống mã hóa màu sắc để tránh hiện tượng trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

- Việc phân loại chất thải phải được thực hiện ngay tại nguồn thải.

- Chất thải tập trung xử lý và tiêu hủy ngay bên trong Nhà máy.

- Rác và chất thải rắn hàng ngày được thu gom, sau đó vận chuyển đưa về khu xử lý tập trung của Nhà máy để phân loại và xử lý.

#### i. Đánh giá tác động môi trường

- Xác định các vấn đề môi trường chính, bức xúc trong và ngoài khu vực quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp, các khu vực ô nhiễm, mức độ ô nhiễm môi trường; đánh giá hệ sinh thái, môi trường ngành nghề, môi trường các vùng xung quanh.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động trong quá trình đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án và quá trình vận hành sản xuất.

- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất khoanh vùng các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (*nếu có*).

- Kế hoạch quan trắc và giám sát môi trường phải được tiến hành liên tục theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo kiểm soát các tác động đối với việc thực hiện dự án và đề ra các giải pháp thực hiện để ngăn ngừa sự suy thoái cũng

như bảo vệ môi trường xung quanh đối với: Ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường đất và sạt lở, ô nhiễm do tiếng ồn và độ rung, ô nhiễm chất thải rắn...

(Nội dung chi tiết theo Quyết định và các bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kèm theo)

5. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

6. Nguồn vốn: Vốn của Chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Kinh tế và Hạ tầng; Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê, Liên danh Trung tâm Quy hoạch xây dựng và Công ty TNHH một thành viên Kiến Trúc Phố Xanh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê; Giám đốc Liên danh Trung tâm Quy hoạch xây dựng và Công ty TNHH một thành viên Kiến Trúc Phố Xanh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Phương

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 31/12/2021);*

*Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND của ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thu hồi đất xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê (bổ sung);*

*Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (bổ sung);*

*Căn cứ Văn bản số 1169/UBND-TNMT ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng diện tích đất tại Bãi rác Nhữ Khê, huyện Yên Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-SKH ngày 26/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư dự án: Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (của Công ty Cổ phần liên doanh môi trường Việt Nam - Na Uy);*

*Căn cứ Văn bản số 1422/STNMT-QLĐĐ ngày 10/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện cho thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của Công ty cổ phần công nghiệp môi trường HM Group tại Tờ trình số 07/TTr-HMG ngày 28/8/2022; Văn bản số 121/TBTD-KTHT ngày 30/8/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thông báo thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, với những nội dung chính sau:

### **1. Tên đồ án, vị trí và quy mô lập quy hoạch**

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm: Xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Nguồn gốc khu đất: Khu vực nghiên cứu Quy hoạch hiện trạng là đất bãi thải, xử lý chất thải do Công ty cổ phần Dịch vụ môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê quản lý (đất đã được thu hồi tại Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn).

1.4. Vị trí: Khu đất Quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc địa giới hành chính xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất trồng cây hàng năm của các hộ dân.
- Phía Nam giáp ao sinh thái và khu đất tiếp nhận rác hiện nay.
- Phía Tây giáp đồi trồng cây hàng năm của các hộ dân và dự án đầu nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai.
- Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất của các hộ dân.

1.5. Quy mô: Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là khoảng 13,0 ha.

1.6. Nguồn vốn: Vốn do Chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.7. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

### **2. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch**

- Xây dựng một môi trường đô thị trong sạch nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang nói riêng và toàn tỉnh Tuyên Quang nói chung và có thể mở rộng ra các vùng lân cận. Xây dựng lên một quy trình

công nghệ xử lý chất thải hoàn chỉnh. Nhằm đáp ứng công suất thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, trung tâm huyện Yên Sơn; xã Trung Môn; nhà máy Z129.... và rác phát sinh khác và tiến tới thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại bao gồm cả chất thải lỏng trên địa bàn. Phân loại, tái chế và xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt, công nghiệp phát sinh hàng ngày theo công suất thiết kế làm giảm áp lực về chất thải, giải quyết nạn ô nhiễm môi trường do chất thải gây ra đang ngày càng trở nên nghiêm trọng... Thu hút một số lao động tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang vào làm việc tại Nhà máy xử lý rác thải.

- Xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, khớp nối với các dự án đầu tư đảm bảo phát triển ổn định, bền vững không ảnh hưởng tới môi trường, khí hậu khu vực khai thác và khu vực lân cận.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Khai thác hiệu quả sử dụng đất, tận dụng tối đa nguồn tài nguyên đất. Xác định chức năng sử dụng đất cho các khu đất kèm theo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cụ thể, đề xuất giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực, đồng bộ, hiện đại phù hợp quy hoạch chung được duyệt.

- Quy hoạch không gian xây dựng hợp lý trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên, hiện trạng kiến trúc xây dựng và các mối quan hệ xung quanh.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật sẽ được nghiên cứu khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các quy định hiện hành và đồ án Quy hoạch chung của xã đảm bảo gắn kết, hài hòa với các dự án đầu tư lân cận.

- Đề xuất Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch.

### **3. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng**

3.1. Các hạng mục công trình đối với từng khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

- Quy hoạch và phân kỳ sử dụng đất theo từng giai đoạn.
- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chính cho các khu đất theo nhu cầu của dự án (*giai đoạn 1*). Xác định chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng; lập các bảng biểu chỉ tiêu, bảng cân bằng sử dụng đất và xác định hệ thống số liệu sử dụng đất cho phù hợp.
- Quy mô diện tích khu đất là khoảng 13 ha, bao gồm các khu:

STT	Tên hạng mục	STT	Tên hạng mục
1	Nhà làm việc, văn phòng	15	Sân phơi rác có mái che
2	Nhà ăn, nhà nghỉ chờ ca	16	Nhà xưởng Hệ thống thùng ủ rác

3	Nhà khách, nhà nghỉ công nhân	17	Nhà xưởng sản xuất phân bón
4	Thường trực bảo vệ	18	Khu xử lý nước thải
5	Nhà để xe cán bộ công nhân	19	Hồ điều hòa
6	Sân thể thao	20	Trạm cân
7	Trạm biến áp	21	Khu vực chôn lấp rác vô cơ
8	Nhà xưởng tiếp nhận rác	22	Cây xanh cảnh quan
9	Nhà xưởng tách lựa rác	23	Sân kỹ thuật nhà xưởng
10	Bể tiếp nhận và giám ẩm	24	Bể nước giếng khoan nước sản xuất + sinh hoạt và PCCC
11	Lò đốt rác	25	Cầu rửa xe ra vào
12	Nhà xưởng sản xuất hạt nhựa	26	Cây xanh cách ly môi trường
13	Nhà xưởng cơ khí + Kho tổng hợp	GT	Giao thông hạ tầng nội bộ
14	Khu tập trung, Bãi đỗ xe		

+ Khối Văn phòng, nhà ăn và khu vực hành chính được bố trí riêng biệt và ngăn cách với khu sản xuất bằng đường giao thông.

+ Bố trí các khối công trình đáp ứng nhu cầu sử dụng, quản lý và đảm bảo giao thông nội bộ, an toàn, hợp lý.

### 3.2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật áp dụng

- San nền:

+ Cơ bản dựa theo địa hình tự nhiên đã có, san nền cục bộ đảm bảo hợp lý.

+ Lựa chọn và xác định cao độ xây dựng, các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật, thiết kế san nền (*đường đồng mức thiết kế*) bảo đảm hạn chế tối đa khối lượng đào đắp, nhưng vẫn đảm bảo độ dốc thoát nước mặt của khu đất và độ dốc mặt bằng xây dựng các công trình phù hợp với định hướng quy hoạch chung của xã và quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt.

- Giao thông: Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ trong khu quy hoạch. Thể hiện mặt cắt, hành lang giao thông trên cơ sở quy hoạch giao thông chung của xã có liên quan đã được phê duyệt.

- Cấp nước sinh hoạt: Xác định nhu cầu dùng nước và nguồn cấp nước; điều chỉnh vị trí, quy mô, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật chi tiết để khớp nối đồng bộ với quy hoạch chung.

- Cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng, nguồn cung cấp theo nhu cầu sử dụng trong quá trình vận hành sản xuất. Điều chỉnh vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, các trạm hạ thế và hệ thống chiếu sáng sân bãi, đường đi nội bộ.

- Thông tin liên lạc: Xác định nhu cầu sử dụng, nguồn cung cấp và điều chỉnh mạng lưới để khớp nối đồng bộ với quy hoạch chung.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; điều chỉnh vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn để khớp nối đồng bộ với quy hoạch chung. Bố trí khu vực thu gom rác thải.

+ Tính toán khối lượng chất thải rắn trong quá trình vận hành sản xuất để bố trí khu vực thu gom tập trung (*sau khi phân loại tính chất của từng loại chất thải rắn*).

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nhận dạng và dự báo các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do phương án quy hoạch và các hoạt động khi triển khai dự án gây ra (*quá trình thi công cơ sở hạ tầng và quá trình vận hành sản xuất*). Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tới môi trường (*đối với tiếng ồn, bụi, khí thải, nguồn nước, rác thải...*). Đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường và lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

#### **4. Các yêu cầu nghiên cứu đồ án**

Thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 02/2017/NĐ-CP ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2016/BXD); Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD).

a. Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch. Phân tích hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có từ đó tận dụng và đưa ra các phương án bố trí hợp lý.

b. Dự báo xu thế phát triển của đô thị xung quanh khu vực thực hiện dự án tương ứng với khối lượng rác thải ra môi trường cần xử lý, đưa ra đánh giá phù hợp khi vận hành Nhà máy xử lý rác thải nhằm có kế hoạch đầu tư hợp lý công suất cần xử lý rác thải qua các giai đoạn ngắn hạn và lâu dài.

c. Xác định ranh giới khu vực lập quy hoạch chi tiết Nhà máy xử lý rác thải với các dự án giáp ranh đang triển khai cùng thời điểm: Đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ và Khu công nghiệp Đội Bình - Nhữ Khê.

## 5. Danh mục, số lượng hồ sơ, thực hiện đồ án

### a. Căn cứ pháp lý

- Thành phần hồ sơ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

### b. Thành phần hồ sơ quy hoạch:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ	Loại hồ sơ bản vẽ	
	Số lượng gồm 09 bộ (có USB lưu file mềm lưu toàn bộ nội dung quy hoạch)			
I	<b>Phần bản vẽ kiến trúc quy hoạch</b>		Hồ sơ A0	
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/2.000- 1/5.000	x	
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng	1/500	x	
3	Bản đồ hiện trạng tổng hợp hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/500	x	
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500	x	
5	Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500	x	
6	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500	x	
7	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500	x	
8	Bản phối cảnh màu 3D toàn bộ khu Nhà máy	A1		
9	Bản đồ hiện trạng môi trường chiến lược	1/500	x	
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500	x	
IV	<b>Phần văn bản</b>	A4	x	
1	Thuyết minh tổng hợp (kèm theo các bản vẽ thu nhỏ; văn bản pháp lý, các phụ lục đính kèm)	A4	x	
2	Dự thảo tờ trình; Quyết định phê duyệt	A4	x	
3	Quy định quản lý kiến trúc theo đồ án quy hoạch	A4	x	

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (*Công ty cổ phần công nghiệp môi trường HM Group*) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Cơ quan thẩm định, trình duyệt: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Sơn.

**3. Cơ quan thỏa thuận:** Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang.

**4. Đơn vị tư vấn:** Chịu trách nhiệm về những nội dung nghiên cứu và tính toán thể hiện trong thuyết minh, hồ sơ bản vẽ của đồ án quy hoạch xây dựng; phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban liên quan; Các cơ quan quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực; Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê và cộng đồng dân cư khu vực đề tiến hành nghiên cứu, triển khai theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê; Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp môi trường HM Group và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP huyện;
- Lưu: VT, CVKT.



Số: 194/BC-STC

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2025

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: UBND tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 03/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường (Giai đoạn 1) Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18/01/2025 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND huyện Yên Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo số 49/TB-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh thông báo kết luận về việc triển khai thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ ý kiến tham gia điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của Công an tỉnh tại Văn bản số 2807/CAT-ANKT ngày 28/4/2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 1178/SNNMT-BVMT ngày 21/5/2025 và Văn bản số 836/SNNMT-BVMT ngày 29/4/2025; Sở Xây dựng tại Văn bản số 567/SXD-QLHT ngày 26/4/2025; Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 377/SKHCN-CN&ĐMST ngày 28/4/2025; UBND huyện Yên Sơn tại Văn bản số 875/UBND-XD ngày 08/5/2025.

Sau khi xem xét Văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (*kèm theo hồ sơ dự án*), Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định như sau:

## **I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN**

**1. Nhà đầu tư:** Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000887158 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp; Đăng ký lần đầu ngày 19/7/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/8/2024.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 172, đường Kim Quan, tổ 6, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

**2. Tên dự án:** Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**3. Mục tiêu dự án:** Xử lý rác thải và tái chế phế liệu trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và khu vực lân cận, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.

### **4. Quy mô của dự án:**

- Quy mô công suất: Xử lý rác thải với công suất 160 tấn rác/ngày và sản xuất, tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; nhà xưởng phân loại rác, xưởng sản xuất phân vi sinh; lò đốt; Khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết, phân loại rác thải; các công trình phụ trợ, cây xanh;...

### **5. Địa điểm và diện tích đất thực hiện:**

- Địa điểm: xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 30 ha; trong đó:

+ Giai đoạn 1: Thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy và các hạng mục phụ trợ với diện tích khoảng 13 ha.

+ Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mở rộng khu tiếp nhận rác hiện nay đang chôn, lấp các hạng mục còn lại của dự án với diện tích 17 ha.

### **6. Vốn và nguồn vốn đầu tư:**

- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 180.000.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi tỷ đồng*).

- Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 126.000.000.000 đồng.

**7. Thời hạn thực hiện dự án:** 50 năm (năm mươi năm).

**8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).

- Giai đoạn 2: Từ quý IV/2023 đến quý IV/2025, thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng các hạng dự án trên diện tích 17 ha.

## **II. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Sau khi tiếp nhận từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group. Ngày 20/4/2025, Sở Tài chính có Văn bản số 644/STC-KTN xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan; căn cứ ý kiến thẩm định của các ngành, ngày 10/5/2025, Sở Tài chính có Văn bản số 911/STC-KTN đề nghị Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự án theo ý kiến các ngành; trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh ngày 19/5/2025, cụ thể: (1) Nhà đầu tư đã bổ sung hồ sơ thuyết minh công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (*bao gồm cả việc tận dụng thu hồi nhiệt để phục vụ sản xuất*); đối với công nghệ tái chế phế liệu, nhà đầu tư không thay đổi công nghệ tái chế phế liệu đã được chấp thuận; phân loại rác thải để khi đốt không phát sinh các khí nguy hại; thực hiện xử lý nước rỉ rác, mùi, vi sinh vật,... phát sinh trong quá trình phân loại rác trước khi đốt và tro sau khi đốt; nhà đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển rác trong tiếp nhận từng loại rác theo đúng phân loại để thực hiện xử lý đảm bảo không phát sinh nguy hại; nhà đầu tư cam kết ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động tới môi trường và giảm thiểu lao động thủ công; (2) Đã tiếp thu điều chỉnh quy mô, công suất cho phù hợp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Đến ngày 21/5/2024, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 1178/SNNMT-BVMT ngày 21/5/2025, nội dung văn bản đã nhất trí với báo cáo giải trình của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group tại Văn bản số 29/CV-CT ngày 08/5/2025.

## **III. NỘI DUNG NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**

**1. Điều chỉnh mục tiêu của dự án:**

**1.1.** Mục tiêu của dự án đã quy định tại đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh:

*“Xử lý rác thải và tái chế phế liệu trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và khu vực lân cận, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.”.*

1.2. Nay đề nghị sửa thành: “**Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và tái chế phế liệu, tận thu nhiệt góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.**”.

1.3. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo phân cấp của Luật Bảo vệ môi trường và quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường; việc bổ sung xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để phù hợp với việc thay đổi công nghệ xử lý, đáp ứng với yêu cầu phát triển các khu, cụm công nghiệp; nâng cao phạm vi, quy mô, định hình công nghệ xử lý của nhà máy, tăng cường nhiệm vụ bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

## 2. Điều chỉnh quy mô của dự án:

2.1. Quy mô của dự án đã quy định tại đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh:

“- Quy mô công suất: Xử lý rác thải với công suất **160 tấn rác/ngày** và sản xuất, tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; nhà xưởng phân loại rác, xưởng sản xuất phân vi sinh; lò đốt; khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết, phân loại rác thải; các công trình phụ trợ, cây xanh;...”.

2.2. Nay đề nghị sửa thành:

“- Quy mô công suất: **Xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 300 tấn rác/ngày; xử lý rác thải công nghiệp thông thường công suất 100 tấn/ngày** (bao gồm: **Chất thải được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,... được quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định hiện hành có liên quan**); tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; **xưởng sản xuất, tái chế, sấy, nhà kho; lò đốt (sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả về môi trường và kinh tế);** khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết; các công trình phụ trợ, cây xanh; **hộc chôn lấp rác tro và tro xỉ sau đốt...**”.

2.3. Lý do điều chỉnh:

- Điều chỉnh quy mô công suất xử lý rác thải để phù hợp với mục tiêu, định hướng xử lý rác của Công ty, đồng thời phát huy tối đa tiềm lực của dự án đáp ứng nhu cầu thị trường xử lý khối lượng rác thải ngày càng tăng trong sinh hoạt và sản xuất, góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường.

- Điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng hạng mục nhà xưởng phân loại rác, xưởng sản xuất phân vi sinh thành đầu tư xây dựng hạng mục nhà xưởng sấy, nhà kho, xưởng sản xuất phân vi sinh để tận dụng nhiệt sấy các sản phẩm nông, lâm sản,... và làm kho chứa sản phẩm để phù hợp với quy mô công suất điều chỉnh và lộ trình thực hiện phân loại chất thải tại nguồn.

### **3. Điều chỉnh vốn và nguồn vốn đầu tư:**

**3.1.** Vốn và nguồn vốn đầu tư của dự án đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh:

“- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).

- Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 126.000.000.000 đồng.”.

**3.2.** Nay đề nghị sửa thành:

“- Tổng vốn đầu tư đăng ký: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).

- Nguồn vốn:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 54.000.000.000 đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 196.000.000.000 đồng.”.

**3.3.** Lý do điều chỉnh: Tăng thêm 70 tỷ đồng để đầu tư xây dựng thêm lò đốt và hệ thống xử lý chất thải rắn xử lý được cả chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

### **4. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án:**

**4.1.** Tiến độ thực hiện dự án đã quy định tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh:

“- Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).

- Giai đoạn 2: Từ quý IV/2023 đến quý IV/2025: Thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng các hạng dự án trên diện tích 17 ha.”.

**4.2.** Nay đề nghị sửa thành:

“- Giai đoạn 1: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào vận hành (dự kiến quý II/2025 thực hiện lắp đặt xong lò đốt rác).

- Giai đoạn 2: Từ quý I/2026 đến quý IV/2027, chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng thêm lò đốt và hệ thống xử lý chất thải rắn trên diện tích 13 ha đất của giai đoạn 1 và phần diện tích mở rộng khoảng 17 ha đã quy hoạch, hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động”.

**4.3.** Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án để phù hợp với mục tiêu, quy mô đề xuất điều chỉnh bổ sung hạng mục và công trình xử lý rác thải công nghiệp thông thường.

## **IV. NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Nhận xét**

Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021,

điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024; được cấp Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 22/9/2023; dự án được UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 18/01/2025; được UBND huyện Yên Sơn phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023. Theo báo cáo thực hiện dự án của nhà đầu tư, đến nay dự án đã thực hiện xong thủ tục về khảo sát, lập hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ và dự toán thi công, được cấp Giấy phép môi trường, ký quỹ đảm bảo đầu tư, thủ tục xin thuê đất thực hiện án... kinh phí đã thực hiện khoảng 18,63 tỷ đồng.

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh tổng vốn đầu tư từ 180 lên 250 (*tăng 70 tỷ đồng, chiếm 28%/tổng mức đầu tư*) để đầu tư công nghệ, dây chuyền tiên tiến, tăng quy mô xử lý rác từ 180 tấn thành 300 tấn rác/ngày, bổ sung hạng mục xử lý rác thải công nghiệp thông thường công suất 100 tấn/ngày; điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án. Theo ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 377/SKHHCN-CN&ĐMST ngày 28/4/2025, công nghệ xử lý chất thải bằng phương pháp đốt của dự án không thuộc Danh mục cấm chuyển giao, hạn chế chuyển giao ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Trong hồ sơ dự án có Văn bản số 29/174/XNCCTC/2025 ngày 17/4/2025 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang cho vay 70 tỷ đồng để thực hiện dự án. Nội dung đề nghị điều chỉnh tổng vốn đầu tư, thay đổi công nghệ và quy mô thực hiện dự án phù hợp theo quy định tại điểm c, e khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020 “*3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: c) Thay đổi tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên làm thay đổi quy mô dự án đầu tư; e) Thay đổi công nghệ đã được thẩm định, lấy ý kiến trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư*”; nội dung đề nghị điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án quá 24 tháng phù hợp với quy định tại điểm e khoản 4 Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020 “*4. Đối với dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không được điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư quá 24 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu, trừ một trong các trường hợp sau đây: ... e) Tăng tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên làm thay đổi quy mô dự án đầu tư.*”.

## **2. Đề xuất kiến nghị**

Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group đầy đủ căn cứ pháp lý, phù hợp theo quy định của pháp luật về đầu tư và tình hình thực tế. Trên cơ sở ý kiến nhất trí điều chỉnh chủ trương đầu tư của các cơ quan, đơn vị, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tài chính tổng hợp, đề nghị UBND tỉnh xem xét:

**2.1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.

2.2 Giao các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND huyện Yên Sơn, UBND xã Nhữ Khê và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện trình tự, hồ sơ, thủ tục có liên quan để thực hiện dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh về lĩnh vực ngành quản lý, phụ trách.

UBND huyện Yên Sơn chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn nhà đầu tư xử lý, giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến đường mòn đi qua khu vực thực hiện dự án.

### 2.3. Yêu cầu Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư; cơ quan quản lý nhà nước không giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư và tranh chấp giữa nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; áp dụng các biện pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

- Dự án bị chấm dứt hoạt động khi Nhà đầu tư vi phạm các quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 và tiến độ thực hiện dự án; toàn bộ chi phí liên quan đến dự án Nhà đầu tư đã thực hiện sẽ không được hoàn trả.

Sở Tài chính tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, ngành và thẩm định báo cáo UBND tỉnh, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung đề nghị phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang./.

**\* Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm PVECC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KTN.Kiến.

**GIÁM ĐỐC**



**Vân Đình Thảo**

Số: 19 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất,  
giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý  
rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Điều 245 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

*Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thành phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 424/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1), cụ thể như sau:

### 1. Thu hồi đất

Thu hồi 132.759,4 m<sup>2</sup> đất, gồm 132.574,8 m<sup>2</sup> đất công trình xử lý chất thải do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn quản lý và 184,6 m<sup>2</sup> đất công trình giao thông, đất có mặt nước dạng sông, suối do Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê quản lý (đất công trình giao thông 166,5 m<sup>2</sup>; đất có mặt nước dạng sông, suối 18,1 m<sup>2</sup>) để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Nhà nước không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ranh giới thu hồi đất được xác định tại các thửa số: 1, 2, 3, 4, 5, thể hiện trên tờ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 2. Chuyển mục đích sử dụng đất

Cho phép chuyển mục đích sử dụng 184,6 m<sup>2</sup> đất công trình giao thông, đất có mặt nước dạng sông, suối sang sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Ranh giới chuyển mục đích sử dụng đất được xác định tại các thửa số: 3, 4, 5, thể hiện trên tờ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3. Giao đất, cho thuê đất

3.1. Giao 3.100,0 m<sup>2</sup> đất nằm trong tổng diện tích đất thu hồi nêu trên cho Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê quản lý theo quy định của pháp luật (quy hoạch làm đường và hành lang đường giao thông).

Ranh giới giao đất được xác định tại thửa số 2, thể hiện trên tờ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3.2. Cho thuê đất

Cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (*địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang*) thuê 129.659,4 m<sup>2</sup> đất đã thu hồi, chuyển mục đích sử dụng nêu trên để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn theo quy hoạch được duyệt.

Thời điểm thuê đất: Kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2071 (theo thời hạn thực hiện dự án tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang).

Ranh giới cho thuê đất được xác định tại các thửa số: 1, 3, 4, 5, thể hiện trên tờ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm.

Phương thức cho thuê đất: Không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Giá đất tính tiền cho thuê đất: Được xác định theo bảng giá đất 05 năm (2020-2024) điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5104/UBND-KT ngày 02 tháng 11 năm 2024*). Trên cơ sở trình của Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có quyết định riêng.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### 1. Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai; chấp hành nghiêm việc xây dựng các công trình và các hoạt động bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng theo quy định hiện hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới, diện tích đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất; không để bị lấn, chiếm đất; đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đầu tư.

- Ký hợp đồng thuê đất; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; thực hiện dự án theo đúng chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ, nghiêm các nội dung Công ty đã cam kết tại Văn bản số 11/BC-HM ngày 25 tháng 12 năm 2024.

## 2. Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê

- Thường xuyên theo dõi tiến độ đưa đất vào sử dụng để thực hiện dự án đầu tư của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.

- Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn chủ trì, phối hợp với Nhà đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích còn lại của dự án để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định, đảm bảo việc sử dụng đất thực hiện dự án theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê quản lý chặt chẽ diện tích đất được giao tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật.

### 3. Cục Thuế tỉnh hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group trong việc thực hiện thủ tục nộp tiền thuê đất và các thủ tục khác có liên đới với diện tích đất được thuê để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định, trình chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

### 5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất đối với kinh phí đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

### 6. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu, nội dung thẩm định và sự tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 424/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group.
- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa.
- Chính lý hồ sơ địa chính.
- Tham mưu việc xác định các nội dung về giá đất để tính tiền thuê đất phải nộp theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

### 7. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định; phối hợp, kiểm tra, hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group trong việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Quyền CVP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.(Qkt)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư ngày 13 tháng 5 năm 2025)*

**Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang**

Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group chủ đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (*Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang*) báo cáo về tình hình thực hiện dự án đến ngày 13 tháng 4 năm 2025 với các nội dung cụ thể dưới đây:

**1. Tiến độ thực hiện dự án:**

*a) Tiến độ hoàn thiện các thủ tục, văn bản pháp lý, giải phóng mặt bằng:*

- Ngày 31/12/2021, Chủ đầu tư được nhận Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 899/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 26/11/2024, Chủ đầu tư được cấp Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn.

- Ngày 16/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy tại Quyết định số 10/QĐ-UBND.

- Công tác thu hồi giải phóng mặt bằng: Đất thực hiện dự án có nguồn gốc được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn thu hồi tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 để thực hiện công trình quy hoạch mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn.

Ngày 18/01/2025, Chủ đầu tư được cho thuê đất để thực hiện dự án theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1) với diện tích 13 ha/30 ha.

*b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:*

Dự án đã thực hiện xong các thủ tục: cấp phép đầu tư, thực hiện khảo sát; lập hồ sơ dự án trình thẩm định, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ và dự toán thi công; được cấp Giấy phép môi trường, ký quỹ đầu tư, thủ tục xin thuê đất thực hiện dự án.

*c) Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:*

- Tổng vốn đầu tư: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).
- Tổng vốn đầu tư đã thực hiện: Đến nay, Chủ đầu tư đã thực hiện khảo sát, tư vấn, thiết kế lập quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ và được cấp Giấy phép môi trường, ký quỹ đầu tư... tổng vốn đã đầu tư ước tính khoảng 18.630.000.000đ (Mười tám tỷ, sáu trăm ba mươi triệu đồng).

**2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có): không.**

**3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo**

- Doanh thu: 0.
- Giá trị xuất nhập khẩu: 0.
- Lợi nhuận: 0.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính: thực hiện đầy đủ.
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: 0 VNĐ.
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có): 0 VNĐ.

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 5 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Đức Hùng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Giải quyết đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group về việc điều chỉnh tiến độ, phân kỳ đầu tư và lập phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25/3/2026, tại phòng họp tầng 01, nhà B - Sở Nông nghiệp và Môi trường, chúng tôi gồm:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA**

**1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Ông: Nguyễn Thế Phương, chức vụ: Phó Giám đốc Sở (Chủ trì);
- Bà: Đặng Thị Xuân, chức vụ: Q. Chi cục trưởng Chi cục BVMT;
- Ông: Tạ Thanh Tùng, chức vụ: Chuyên viên Chi cục BVMT (Thư ký).

**2. Văn phòng UBND tỉnh**

- Ông: Ngô Mạnh Hùng, chức vụ: Phó Chánh VP UBND tỉnh.

**3. Sở Xây dựng**

- Ông: Vũ Phú Cường, chức vụ: Trưởng phòng Đô thị và Nhà ở

**4. Sở Tài chính**

- Bà: Hoàng Thu Lua, chức vụ: Phó Giám đốc Sở.
- Ông: Đinh Viết Vũ, chức vụ: CV Phòng hành chính sự nghiệp.

**5. Sở Tư pháp**

- Bà: Cam Thị Anh Vân, chức vụ: Phó Giám đốc Sở.

**6. Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group**

- Ông: Nguyễn Đức Hùng, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

**II. NỘI DUNG LÀM VIỆC**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Xây dựng, Tài chính họp thống nhất ý kiến để giải quyết đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group tại Báo cáo số 12/BC-CTHM ngày 19/3/2026 về việc điều chỉnh tiến độ, phân kỳ đầu tư và lập phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê.

**Ông Nguyễn Thế Phương – Phó Giám đốc Sở thông qua thành phần, nội dung, mục đích cuộc họp:**

\* Ngày 19/3/2026, Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (Chủ đầu tư dự án Nhà máy rác thải Nhữ Khê) có Văn bản số 12/BC-CTHM báo cáo về tình hình tiến độ triển khai Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê như sau:

- Các hạng mục công trình đã và đang triển khai thực hiện, gồm:
- + Công tác san nền dự án: Đã hoàn thành 80% khối lượng san nền của Nhà máy.

+ Công tác thi công xây dựng công trình: Đã hoàn thành xây dựng phần thô nhà làm việc, văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ chờ ca; thi công nền, cột và mái nhà chứa lò đốt; hoàn thành móng, cột, kèo, xà gồ và giằng mái lò đốt số; hoàn thành đổ bê tông đáy và tường bể tiếp nhận rác; hoàn thành đào ô chôn lấp; hoàn thành đào đắp hồ điều hòa; đào khuôn và dải đá lót đường nội bộ trục chính; đang triển khai thủ tục thi công trạm biến áp và hệ thống điện và thi công dở dang một số hạng mục khác.

- Các hạng mục công trình chưa triển khai thực hiện:

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sấy gỗ công suất khoảng 50 m<sup>3</sup>/ngày (tận dụng nhiệt, hơi thu hồi từ lò đốt).

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày.

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày.

\* Về điều chỉnh tiến độ và phân kỳ đầu tư dự án:

- Tiến độ thực hiện: Chủ đầu tư dự án tiếp tục thi công và hoàn thiện thủ tục pháp lý để đưa hạng mục lò đốt rác thải vào vận hành thử nghiệm trong quý II và đưa vào vận hành chính thức trong quý III năm 2026.

- Điều chỉnh một số hạng mục của dự án từ giai đoạn 01 chuyển sang thực hiện ở giai đoạn 02, gồm: Các hạng mục tận dụng nhiệt lò đốt để sấy nông, lâm sản; dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ; dây chuyền tái chế nhựa.

\* Nội dung đề xuất, kiến nghị Công ty CP công nghệ môi trường HM Group:

- Cho phép Chủ đầu tư dự án được thực hiện điều chỉnh Giấy phép môi trường (Giấy phép môi trường số 1039/GPMT-UBND ngày 23/10/2025) cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, phân kỳ đầu tư điều chỉnh và thực tế khi vận hành thử nghiệm.

- Về Phương án giá xử lý rác thải của Nhà máy:

+ Trước mắt, cho phép Chủ đầu tư được lập phương án giá, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê với hạng mục lò đốt rác (*chưa tận dụng nhiệt, hơi cho sản xuất công nghiệp*).

+ Giai đoạn 2 của dự án mới triển khai lập phương án giá cho loại hình đốt có thu hồi, tận thu nhiệt, hơi cho sản xuất công nghiệp khi đã hoàn thành đưa hạng mục dây chuyền sấy nông, lâm sản vào hoạt động.

\* Đề nghị:

(1) Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group báo cáo làm rõ về thực tế triển khai thực hiện các hạng mục công trình tại dự án Nhà máy rác Nhữ Khê và lộ trình, thời gian dự kiến triển khai thực hiện giai đoạn 2 của dự án;

(2) Các thành phần tham dự tại cuộc họp cho ý kiến về nội dung đề xuất, kiến nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group, trong đó đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến làm rõ nội dung liên quan đến chủ trương đầu tư dự án; Sở Xây dựng cho ý kiến ý kiến về điều chỉnh tiến độ, báo cáo nghiên cứu khả thi, trình tự thủ tục xây dựng; Sở Tư pháp cho ý kiến về cơ sở pháp lý, thẩm quyền, tính phù hợp quy định.

2. Ông: Nguyễn Đức Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (Chủ đầu tư dự án Nhà máy rác thải Nhữ Khê) báo cáo, làm rõ về tình hình tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy rác thải Nhữ Khê:

\* Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 (lần đầu); Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 (lần 2) với các nội dung như sau:

- Mục tiêu của dự án: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và tái chế phế liệu, tận thu nhiệt góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại địa phương.

- Quy mô của dự án:

+ *Quy mô công suất*: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 300 tấn rác/ngày; xử lý rác thải công nghiệp thông thường công suất 100 tấn/ngày (bao gồm: Chất thải được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,... được quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định hiện hành có liên quan); tận thu các sản phẩm hạt nhựa, phân hữu cơ vi sinh, phế liệu đã qua tái chế.

+ *Quy mô xây dựng*: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà điều hành, ăn nghỉ công nhân; xưởng sản xuất, tái chế, sấy, nhà kho; lò đốt (sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả về môi trường và kinh tế); khu cấp nước và xử lý nước thải; khu vực tập kết; các công trình phụ trợ, cây xanh; hộc chôn lấp rác tro và tro xỉ sau đốt...

- Tổng mức đầu tư: 250 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ *Giai đoạn 1*: Từ quý IV/2021 đến quý IV/2025, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn và các hạng mục phụ trợ trên diện tích đất 13 ha, đưa dự án vào vận hành (dự kiến quý II/2025 thực hiện lấp đặt xong lò đốt rác).

+ *Giai đoạn 2*: Từ quý I/2026 đến quý IV/2027, chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng thêm lò đốt và hệ thống xử lý chất thải rắn trên diện tích 13 ha đất của giai đoạn 1 và phần diện tích mở rộng khoảng 17 ha đã quy hoạch, hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào hoạt động”.

\* Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 288/QĐ-UBND, Chủ đầu tư dự án (Công ty CP công nghệ môi trường HM Group) đã lập Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi kèm hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường giai đoạn 1 của dự án và được Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 1039/GPMT-UBND ngày 23/10/2025, gồm các hạng mục:

(1) Đầu tư lắp đặt 02 lò đốt rác thải có tận dụng hơi và nhiệt (tổng công suất xử lý 192 tấn rác thải đầu vào/ngày);

(2) Đầu tư lắp đặt dây chuyền sấy gỗ công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày (tận dụng hơi, nhiệt từ lò đốt);

(3) Đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày;

(4) Đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày;

(5) Xây dựng 02 ô chôn lấp chất thải rắn trơ, tro xỉ tổng diện tích 8.535,7m<sup>2</sup>; hệ thống thu gom, thoát nước mặt; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, tuần hoàn tái sử dụng nước thải và công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

\* Thực trạng tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê:

- Các hạng mục công trình đã và đang triển khai thực hiện:

+ Công tác san nền dự án: Đã hoàn thành 80% khối lượng san nền dự án.

+ Công tác thi công xây dựng công trình: Đã hoàn thành xây dựng phần thô nhà làm việc, văn phòng và nhà ăn, nhà nghỉ chờ ca; thi công nền, cột và mái nhà chứa lò đốt; hoàn thành móng, cột, kèo, xà gồ và giằng mái lò đốt số; hoàn thành đổ bê tông đáy và tường bể tiếp nhận rác; hoàn thành đào ô chôn lấp; hoàn thành đào đắp hồ điều hòa; đào khuôn và dải đá lót đường nội bộ trục chính; đang triển khai thủ tục thi công trạm biến áp và hệ thống điện và thi công dở dang một số hạng mục khác.

- Các hạng mục công trình chưa triển khai thực hiện:

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sấy gỗ công suất khoảng 50 m<sup>3</sup>/ngày (tận dụng nhiệt, hơi thu hồi từ lò đốt).

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày.

+ Đầu tư lắp đặt 01 dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày.

\* Theo kế hoạch, giai đoạn 01 của Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê sẽ được vào vận hành hoạt động thử nghiệm tất cả các hạng mục công trình nêu trên trong quý II năm 2026. Tuy nhiên, thực tế hiện nay dự án mới triển khai hoàn thành thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của các công trình chính và công trình phụ trợ phục vụ hoạt động của hạng mục lò đốt rác thải; các hạng mục còn lại mới chỉ thi công được mặt bằng, nhà xưởng công trình, chưa lắp đặt được máy móc, thiết bị, khó có thể đảm bảo được tiến độ đưa toàn bộ các hạng mục giai đoạn 01 của dự án vào hoạt động như yêu cầu đã đề ra. Mặt khác việc vận hành các hạng mục sấy nông lâm sản, sản xuất hạt nhựa, sản xuất phân bón hữu cơ đòi hỏi phải có nguyên liệu đầu vào và tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm.

\* Để đảm bảo tiến độ đưa Dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê vào hoạt động theo kế hoạch, đảm bảo mục tiêu xử lý rác thải sinh hoạt, giảm tải cho khu

xử lý rác thải xã Nhữ Khê hiện hữu, **Chủ đầu tư dự án (Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group) đề xuất, kiến nghị:**

**(1) Về tiến độ và phân kỳ đầu tư dự án, cụ thể như sau:**

- Chủ đầu tư dự án tiếp tục thi công và hoàn thiện thủ tục pháp lý để đưa hạng mục lò đốt rác thải vào vận hành thử nghiệm trong quý II và đưa vào vận hành chính thức trong quý III năm 2026.

- Cho phép Chủ đầu tư sẽ thực hiện điều chỉnh một số hạng mục của dự án từ giai đoạn 01 chuyển sang thực hiện ở giai đoạn 02, gồm: Các hạng mục tận dụng nhiệt lò đốt để sấy nông, lâm sản; dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ; dây chuyền tái chế nhựa. Đề nghị các sở, ngành tạo điều kiện giúp đỡ trong giải quyết thủ tục hành chính có liên quan để chủ đầu tư sớm hoàn thành đưa nhà máy vào hoạt động.

Lý do: Các hạng mục sấy nông lâm sản, sản xuất hạt nhựa, sản xuất phân bón hữu cơ đòi hỏi phải có nguyên liệu đầu vào và tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm. Việc điều chỉnh tiến độ đầu tư các hạng mục công trình của dự án không ảnh hưởng đến mục tiêu dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. Chủ trương đầu tư dự án không quy định phân kỳ về quy mô công suất xử lý chất thải, chỉ thực hiện phân kỳ theo giao đoạn sử dụng đất của dự án.

- Cho phép Chủ đầu tư dự án được thực hiện điều chỉnh Giấy phép môi trường (Giấy phép môi trường số 1039/GPMT-UBND ngày 23/10/2025).

Lý do: Đảm bảo các hạng mục công trình của dự án được thống nhất, phù hợp với thực trạng tiến độ thực hiện dự án.

**(2) Về Phương án giá xử lý rác thải của Nhà máy:**

- Trước mắt, cho phép Chủ đầu tư được lập phương án giá, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê với hạng mục lò đốt rác (chưa tận dụng nhiệt, hơi cho sản xuất công nghiệp).

- Giai đoạn 2 của dự án mới triển khai lập phương án giá cho loại hình đốt có thu hồi, tận thu nhiệt, hơi cho sản xuất công nghiệp khi đã hoàn thành đưa hạng mục dây chuyền sấy nông, lâm sản vào hoạt động.

Lý do:

+ Để kịp thời có giá dịch vụ xử lý rác thải chi trả cho hoạt động xử lý rác thải của Nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê.

+ Ngày 14/02/2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 359/QĐ-UBND quy định về Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh môi trường áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Quyết định này không áp dụng đối với dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, do đó sẽ khó khăn về tài chính cho chủ đầu tư khi đưa dự án vào vận hành.

Đối với nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách do nhà đầu tư bố trí, nên doanh nghiệp tính toán trên cơ sở quy trình vận hành, công nghệ đã đầu tư; căn cứ các quy định của pháp luật về giá và pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan với nguyên tắc tính đúng,

**tính đủ đảm bảo bù đắp đầy đủ chi phí hợp lý, hợp lệ cho quá trình vận hành nhà máy, bao gồm: chi phí tài chính (lãi vay), chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí vận hành, bảo trì và mức lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư bảo đảm vận hành nhà máy ổn định.**

**3. Ý kiến của các thành phần có mặt tại buổi làm việc**

**3.1. Ý kiến của Sở Tài chính**

- Nội dung điều chỉnh phân kỳ của chủ đầu tư không làm thay đổi mục tiêu của dự án và không trái với phân kỳ giai đoạn đầu tư trong chủ trương đầu tư, do đó không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, đề nghị chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường và báo cáo nghiên cứu khả thi theo đúng quy định.

- Phương án giá xây dựng trên cơ sở định vụ do đơn vị cung cấp, Nguyên tắc tính giá phải đảm bảo tính đúng, tính đủ vừa đảm bảo chi phí cho hoạt động sản xuất nhưng đồng thời phải tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

**3.2. Ý kiến của Sở Xây dựng**

- Nếu dự án không thay đổi mục tiêu thì không phải điều chỉnh chủ trương, không phải điều chỉnh dự án.

- Nội dung liên quan đến hạng mục tận thu nhiệt đã được đề xuất trong báo cáo nghiên cứu khả thi, do đó cần thiết phải thực hiện điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi. Tuy nhiên, việc điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi cần phải có căn cứ pháp lý.

**3.3. Ý kiến của Sở Tư Pháp**

Tại Điều 33 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026), quy định:

***“Điều 33. Điều chỉnh dự án đầu tư***

***3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:***

***a) Thay đổi, bổ sung nội dung, mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;***

***b) Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng theo quy định của Chính phủ, thay đổi địa điểm đầu tư;***

***c) Kéo dài tiến độ thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tiến độ quá 24 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này;***

***d) Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;***

***đ) Thay đổi nhà đầu tư của dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư trước khi dự án khai thác, vận hành hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).***

Qua nghiên cứu tài liệu Sở Tư pháp thấy rằng tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (số 288/QĐ-UBND) không nêu rõ các thời gian thực

hiện từng hạng mục và thời gian thực hiện tận thu nhiệt. Do đó, không cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tại Giấy phép môi trường và báo cáo nghiên cứu khả thi có nêu rõ thời gian để thực hiện từng hạng mục của dự án nên đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với thời gian tiến độ thực hiện.

#### **3.4. Ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh**

- Nhất trí với các ý kiến của Sở Tài chính và Sở Tư pháp.
- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các ý kiến tham gia của các ngành để sớm tham mưu, báo cáo UBND tỉnh.

### **4. Các thành phần có mặt tại buổi làm việc thống nhất nội dung báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:**

**4.1.** Chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định các hạng mục công trình phải triển khai thực hiện trong từng giai đoạn của dự án. Do đó, Chủ đầu tư dự án được chủ động lựa chọn phương án phân kỳ đầu tư các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, quy mô công suất xử lý chất thải đã được chấp thuận và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

**4.2.** Nội dung đề xuất, kiến nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (Chủ đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê) là phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án, trong đó các hạng mục phục vụ hoạt động của lò đốt đã cơ bản hoàn thiện, trong khi các hạng mục tận dụng nhiệt, tái chế chưa đủ điều kiện triển khai đồng bộ do phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, việc xây dựng phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Nhà máy còn gặp nhiều khó khăn do dự án áp dụng công nghệ tích hợp giữa xử lý chất thải và thu hồi nhiệt, hơi phục vụ sấy nông, lâm sản – là công nghệ chưa phổ biến tại Việt Nam; theo Văn bản số 762/MT-QLCT ngày 13/3/2026 của Cục Môi trường, hiện chưa có cơ sở tương tự để làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật. Đồng thời, do dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách, phương án giá cần phản ánh đầy đủ các yếu tố chi phí thực tế, bao gồm chi phí tài chính (lãi vay), chi phí khấu hao tài sản, chi phí vận hành, bảo trì và lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư theo quy định.

#### **4.3. Thống nhất báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh:**

(1) Đồng ý cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group được thực hiện các nội dung điều chỉnh tiến độ, phân kỳ đầu tư các hạng mục công trình của dự án như đã đề xuất, làm căn cứ để thực hiện các trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án liên quan đến lĩnh vực môi trường, xây dựng đảm bảo thống nhất và phù hợp với các quy định hiện hành.

(2) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm phù hợp với phương án phân kỳ đầu tư và lộ trình vận hành các hạng mục công trình; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên

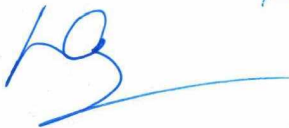
quan tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý rác thải áp dụng riêng cho Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê; tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Giá năm 2023.

(3) Giao Sở Xây dựng rà soát, hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group thực hiện việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, bảo đảm sự phù hợp, thống nhất giữa nội dung điều chỉnh với tiến độ thực tế triển khai, phương án phân kỳ đầu tư và các hồ sơ pháp lý có liên quan của dự án.

(4) Giao Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 để tổ chức lập phương án giá dịch vụ xử lý rác thải áp dụng riêng cho Nhà máy xử lý rác thải xã Nhữ Khê trong giai đoạn chưa đầu tư, vận hành các hạng mục tận dụng hơi, nhiệt từ lò đốt rác thải cho sấy nông, lâm sản; phương án giá phải bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ theo phương pháp định giá quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính, có thuyết minh đầy đủ cơ sở xác định các yếu tố chi phí (bao gồm chi phí tài chính, khấu hao tài sản, chi phí vận hành, bảo trì và lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư,...) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định theo quy định của Luật Giá năm 2023.

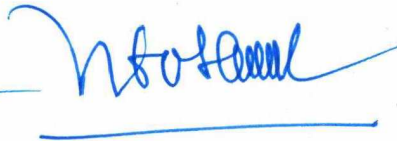
Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ XÂY DỰNG**



**Vũ Phú Cường**

**ĐẠI DIỆN**  
**VĂN PHÒNG UBND TỈNH**



**Ngô Mạnh Hùng**

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Nguyễn Thế Phương**

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ TÀI CHÍNH**



**Hoàng Thu Lựa**

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ TƯ PHÁP**



**Cam Thị Anh Vân**

**ĐẠI DIỆN**  
**CÔNG TY CP CN MT HM GROUP**



**Nguyễn Đức Hùng**

Số: /SNNMT-CCBVMT

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2026

V/v hướng dẫn thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường; lập phương án giá dịch vụ xử lý rác thải cho Nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê

Kính gửi: Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2176/UBND-KTN ngày 02/4/2026 về việc giải quyết đề nghị của Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group,

Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường và lập phương án giá dịch vụ xử lý rác thải cho Nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê như sau:

## **1. Về trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường**

### **1.1. Cơ sở pháp lý điều chỉnh GPMT**

Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê (Giai đoạn 1) được Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 1039/GPMT-UBND ngày 23/10/2025 với các nội dung như sau:

- *Quy mô công suất (Giai đoạn 1)*: Tổng công suất giai đoạn 1 là 245 tấn/ngày, trong đó công suất xử lý chất thải rắn sinh hoạt là 160 tấn/ngày và công suất xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường là 85 tấn/ngày.

- *Các hạng mục công trình chính (Giai đoạn 1)*: Đầu tư lắp đặt 02 lò đốt rác thải có tận dụng hơi và nhiệt (tổng công suất xử lý 192 tấn rác thải đầu vào/ngày); 01 dây chuyền sấy gỗ công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày tận dụng hơi, nhiệt từ lò đốt; 01 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày; dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày; 02 ô chôn lấp chất thải rắn tro, tro xỉ tổng diện tích 8.535,7m<sup>2</sup>; hệ thống thu gom, thoát nước mặt; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, tuần hoàn tái sử dụng nước thải và công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Nội dung đề xuất điều chỉnh dự án của Nhà đầu tư: Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group (Chủ đầu tư dự án Nhà máy rác Nhữ Khê) đề xuất điều chỉnh, chuyển các hạng mục của giai đoạn 1, gồm: (1) Dây chuyền sấy gỗ công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày (tận dụng hơi, nhiệt từ lò đốt); (2) Dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất 5 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày; (3) Dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ công suất 50 tấn nguyên liệu đầu vào/ngày sang đầu tư ở giai đoạn 2 của dự án. Giai đoạn 1 của dự án, chỉ thực hiện hạng mục 02 lò đốt không thu hồi hơi, nhiệt với tổng công suất xử lý chất thải của 02 lò đốt là 192 tấn/ngày (01 lò đốt có công suất 96 tấn/ngày).

Căn cứ nội dung điều chỉnh của Nhà đầu tư cho thấy Giai đoạn 1 của dự án có điều chỉnh, thay đổi công nghệ xử lý rác thải từ công nghệ đốt thu hồi hơi, nhiệt sang công nghệ đốt không thu hồi hơi, nhiệt (năng lượng). Đối chiếu với quy định tại:

- Điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP:

*"5. Đối tượng cấp lại giấy phép môi trường được quy định như sau:*

*b) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định này dẫn đến làm gia tăng tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Nghị định này hoặc thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường;"*;

- Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP:

*"4. Các trường hợp thay đổi công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, bao gồm:*

*a) Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm; thay đổi công nghệ của hệ thống, thiết bị tái chế, xử lý chất thải để thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải;"*.

**Như vậy,** Dự án Nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê khi thực hiện điều chỉnh, thay đổi công nghệ xử lý rác thải từ công nghệ đốt thu hồi hơi, nhiệt sang công nghệ đốt không thu hồi hơi, nhiệt (năng lượng) thuộc đối tượng phải thực hiện cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

## **1.2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường**

### **a) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường, gồm:**

- (1) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường;
- (2) Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê (Giai đoạn 1).
- (3) Các tài liệu kỹ thuật liên quan đến việc điều chỉnh các hạng mục công trình của dự án;

### **b) Trình tự thực hiện thẩm định, cấp lại Giấy phép môi trường**

- Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án (thành lập Hội đồng thẩm định; họp thẩm định).

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

## **2. Về trình tự, thủ tục lập, trình phương án giá xử lý rác thải**

### **2.1. Về lập phương án giá**

Chủ đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải Nhữ Khê tổ chức thực hiện lập phương án giá dịch vụ xử lý rác thải cho Nhà máy rác Nhữ Khê, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định theo quy định của Luật Giá năm 2023:

- Nội dung phương án giá lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024; phương án giá phải bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ theo phương pháp định giá quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính, có thuyết minh đầy đủ cơ sở xác định các yếu tố chi phí.

- Về định mức kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh.

- Hồ sơ trình phương án giá gồm:

+ Văn bản đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

+ Chứng từ hợp pháp (nếu có);

+ Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật có liên quan về phương pháp định giá hoặc về quản lý hàng hóa, dịch vụ theo lĩnh vực của các bộ, ngành (nếu có).

## **2.2. Về thẩm định, trình phê duyệt phương án giá**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định phương án giá của Nhà đầu tư theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Giá năm 2023; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là nội dung hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đề nghị Công ty cổ phần công nghệ môi trường HM Group tập trung thực hiện đảm bảo thời gian, tiến độ (trong tháng 4/2026) theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2176/UBND-KTN ngày 02/4/2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị liên hệ trực tiếp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để được phối hợp giải quyết kịp thời./.

### ***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thế Phương**



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349**

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07360/2025/PKQ/25.3900

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
 Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
 Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
 Vị trí lấy mẫu : - KXQ.130625-003- Khu vực công vào dự án (Lần 1), tọa độ:  
 VĐ=21,707606, KĐ=105,201872 (K1)  
 - KXQ.130625-004- Khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 1), tọa độ:  
 VĐ=21,707652, KĐ=105,201407 (K2)  
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02  
 Ngày lấy mẫu : 13/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,2	59,3	70 <sup>(1)</sup>
2	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	119	115	350
3	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	HD.LM15/CO/KKXQ	4.331	5.577	30.000
4	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	86	86	200
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	142	135	300

**Ghi chú:**

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

<sup>(1)</sup>: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07361/2025/PKQ/25.3900

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - Đ.130625-001- Đất khu vực cổng vào dự án (Lần 1), tọa độ:  
VĐ=21,707607, KĐ=105,201899 (Đ1)  
- Đ.130625-002- Đất khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 1), tọa độ:  
VĐ=21,707443, KĐ=105,201523 (Đ2)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ1	Đ2	Loại 2
1	Cadmi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,05)	KPH (MDL= 0,05)	10
2	Đồng (Cuprum) (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	10,3	9,3	500
3	Chì (Plumbum) (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,14)	KPH (MDL= 0,14)	400
4	Tổng Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	KPH (MDL= 2,9)	KPH (MDL= 2,9)	200
5	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	23,4	18,5	600

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất

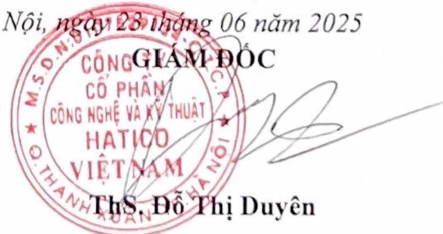
Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07359/2025/PKQ/25.3900

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - NM.130625-001- Mẫu nước mặt gần khu vực dự án (Lần 1), tọa độ:  
VD=21,708159, KĐ=105,200695 (NM)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM	Bảng 1
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,26	6,0-8,5 <sup>(1)</sup>
2	Oxy (oxygen) hòa tan (DO) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 7325:2016	5,5	≥ 5,0 <sup>(1)</sup>
3	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	0,5
4	COD <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8,8	≤ 15 <sup>(1)</sup>
5	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,7	≤ 6 <sup>(1)</sup>
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> .B&F:2023	0,05	0,3
7	TSS <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	7,2	≤ 100 <sup>(1)</sup>
8	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	-
9	Sắt <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6177:1996	0,08	0,5
10	Tổng dầu mỡ (oils & grease) <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5520B:2023	2,2	5,0
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,1×10 <sup>3</sup>	≤ 5.000 <sup>(1)</sup>

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

+ **Bảng 1:** Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

+<sup>(1)</sup>**Bảng 2:** Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (**Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm.

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp).

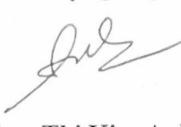
Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

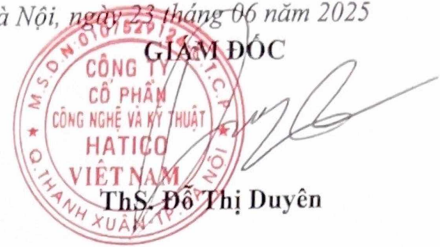
TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Thị Duyên

  
Hoàng Thị Kim Anh



1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07363/2025/PKQ/25.3901

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - KXQ.140625-013- Khu vực công vào dự án (Lần 2), tọa độ:  
VĐ=21,707606, KĐ=105,201872 (K1)  
- KXQ.140625-014- Khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 2), tọa độ:  
VĐ=21,707652, KĐ=105,201407 (K2)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,8	61,6	70 <sup>(1)</sup>
2	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	110	110	350
3	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	HD.LM15/CO/KKXQ	4.536	4.496	30.000
4	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	85	86	200
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	147	138	300

**Ghi chú:**

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

<sup>(1)</sup>: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

## PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07364/2025/PKQ/25.3901

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - Đ.140625-001- Đất khu vực công vào dự án (Lần 2), tọa độ:  
VĐ=21,707607, KĐ=105,201899 (Đ1)  
- Đ.140625-002- Đất khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 2), tọa độ:  
VĐ=21,707443, KĐ=105,201523 (Đ2)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ1	Đ2	Loại 2
1	Cadmi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,05)	KPH (MDL= 0,05)	10
2	Đồng (Cuprum) (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	8,4	10,1	500
3	Chì (Plumbum) (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,14)	KPH (MDL= 0,14)	400
4	Tổng Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	KPH (MDL= 2,9)	KPH (MDL= =2,9)	200
5	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	19,5	22,1	600

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07362/2025/PKQ/25.3901

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - NM.140625-001- Mẫu nước mặt gần khu vực dự án (Lần 2), tọa độ:  
VĐ=21,708159, KĐ=105,200695 (NM)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM	Bảng 1
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,24	6,0-8,5 <sup>(1)</sup>
2	Oxy (oxygen) hòa tan (DO) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	≥ 5,0 <sup>(1)</sup>
3	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	0,5
4	COD <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8	≤ 15 <sup>(1)</sup>
5	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,1	≤ 6 <sup>(1)</sup>
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NH3.B&F:2023	0,04	0,3
7	TSS <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	8,2	≤ 100 <sup>(1)</sup>
8	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	-
9	Sắt <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6177:1996	0,05	0,5
10	Tổng dầu mỡ (oils & grease) <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5520B:2023	2,1	5,0
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,2×10 <sup>3</sup>	≤ 5.000 <sup>(1)</sup>

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

+ **Bảng 1:** Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

+<sup>(1)</sup>**Bảng 2:** Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (**Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm.

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp).

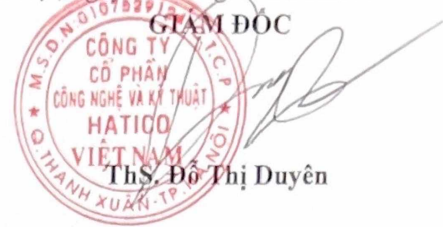
Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07366/2025/PKQ/25.3902

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - KXQ.140625-015- Khu vực cổng vào dự án (Lần 3), tọa độ:  
VĐ=21,707606, KĐ=105,201872 (K1)  
- KXQ.140625-016- Khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 3), tọa độ:  
VĐ=21,707652, KĐ=105,201407 (K2)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,9	56,5	70 <sup>(1)</sup>
2	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	115	112	350
3	CO <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	HD.LM15/CO/KKXQ	4.536	5.011	30.000
4	NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	89	87	200
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	143	145	300

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

<sup>(1)</sup>: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 gác 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07367/2025/PKQ/25.3902

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - Đ.140625-003- Đất khu vực công vào dự án (Lần 3), tọa độ:  
VĐ=21,707607, KĐ=105,201899 (Đ1)  
- Đ.140625-004- Đất khu vực dự kiến làm văn phòng (Lần 3), tọa độ:  
VĐ=21,707443, KĐ=105,201523 (Đ2)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Đất Số lượng mẫu: 02  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ1	Đ2	Loại 2
1	Cadmi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,05)	KPH (MDL= 0,05)	10
2	Đồng (Cuprum) (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	8,2	7	500
3	Chì (Plumbum) (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,14)	KPH (MDL= 0,14)	400
4	Tổng Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	KPH (MDL= 2,9)	KPH (MDL= 2,9)	200
5	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	21,6	22	600

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

GIAM ĐỐC

ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 07365/2025/PKQ/25.3902

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH  
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Địa điểm quan trắc : DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC THẢI XÃ NHỮ KHÊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HM GROUP  
Vị trí lấy mẫu : - NM.140625-002- Mẫu nước mặt gần khu vực dự án (Lần 3), tọa độ:  
VĐ=21,708159, KĐ=105,200695 (NM)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 14/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 23/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM	Bảng 1
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,25	6,0-8,5 <sup>(1)</sup>
2	Oxy (oxygen) hòa tan (DO) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	≥ 5,0 <sup>(1)</sup>
3	Kẽm (Zincum) (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	0,5
4	COD <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9,6	≤ 15 <sup>(1)</sup>
5	BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,1	≤ 6 <sup>(1)</sup>
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> .B&F:2023	0,06	0,3
7	TSS <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	7,8	≤ 100 <sup>(1)</sup>
8	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	-
9	Sắt <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6177:1996	0,06	0,5
10	Tổng dầu mỡ (oils & grease) <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5520B:2023	2,4	5,0
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	9,3×10 <sup>2</sup>	≤ 5.000 <sup>(1)</sup>

### Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

+ **Bảng 1:** Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

+<sup>(1)</sup>**Bảng 2:** Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (**Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm.

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp).

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vmcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

# **HỒ SƠ THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ LÒ ĐỐT CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

**Model: RS-VINABIMA**

# MỤC LỤC

<b>Lời mở đầu.....</b>	<b>1</b>
<b>I. Trình bày công nghệ .....</b>	<b>3</b>
1.1. Sơ đồ công nghệ.....	3
1.2. Thuyết minh dây chuyền công nghệ .....	4
1.2.1. Quá trình chuẩn bị rác trước khi đốt.....	4
1.2.2. Quá trình đốt rác .....	6
1.2.3. Quá trình xử lý khí thải.....	8
1.2.4. Tận dụng thu hồi nhiệt để phục vụ sản xuất.....	15
1.2.5. Thu hồi tro xỉ .....	15
1.2.6. Thu hồi nước rỉ rác .....	16
1.3. Kết quả thẩm định công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.....	16
1.4. Kết quả quan trắc khí thải và phân tích tro thải.....	21
1.4.1. Kết quả đo lò đốt RS-Vinabima tại Thái Bình.....	21
1.4.2. Kết quả đo lò đốt RS-Vinabima tại Bắc Ninh.....	26
<b>II. Thông tin về doanh nghiệp .....</b>	<b>32</b>
<b>III. Một số dự án đã thực hiện.....</b>	<b>33</b>
<b>IV. Một số hình ảnh thực tế Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima .....</b>	<b>35</b>

## Lời mở đầu

Ngày nay, đứng trước sự bùng nổ dân số và phát triển nhanh chóng của xã hội loài người, chúng ta đang phải đối mặt với thách thức về vấn đề *ô nhiễm môi trường* và *cạn kiệt tài nguyên*. Để đối phó với thách thức này, phát triển *nền kinh tế tuần hoàn* là xu thế tất yếu được nhiều Quốc gia và Chính phủ thực hiện xây dựng. Đây là mô hình kinh tế chú trọng quản lý và tái tạo tài nguyên theo một chu trình khép kín nhằm hạn chế tối đa lượng phế thải, các chất thải được tái chế, trở thành nguyên liệu mới cho sản xuất; từ đó làm giảm các tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người; tận dụng triệt để tài nguyên thông qua các hoạt động như *tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng hoặc vật liệu*; giúp chúng ta khai thác lại tài nguyên từ chính rác thải, ***biến rác thải trở thành tài nguyên***.

Trong hồ sơ này, chúng tôi xin được giới thiệu công nghệ Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-Vinabima. Đây là dòng lò đốt tiêu hủy rác có thu hồi tận dụng nhiệt do Vinabima nghiên cứu, thiết kế, chế tạo.

Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-Vinabima chúng tôi cung cấp là một thiết bị sử dụng nhiệt độ cao để phân hủy rác thải. Tro thải của quá trình đốt được thu hồi, hóa rắn và chôn lấp hợp vệ sinh. Khí thải của quá trình đốt được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn môi trường trước khi xả vào khí quyển.

Lò đốt được thiết kế để thu hồi tận dụng nhiệt của quá trình đốt sản sinh hơi bão hòa, sử dụng nhiệt lượng của hơi bão hòa phục vụ các ngành sản xuất khác ví dụ: sử dụng nhiệt lượng để sấy nông lâm sản (sấy gỗ, sấy sắn, sấy ngô, ...). Cũng có thể sử dụng nhiệt lượng hơi nước vào các quá trình chưng cất (chưng cất tinh dầu xả, tinh dầu quế, ...).

Lò đốt RS-Vinabima đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và đánh giá phù hợp trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công nghệ cũng như quy chuẩn Quốc gia về Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (QCVN 19:2024/BTNMT, cột A).

Hiện nay, Lò đốt Vinabima đã được sử dụng tại nhiều tỉnh thành như Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Thái Bình, Quảng Ninh, Điện Biên, Nghệ An, Quảng Ngãi,...

Lò đốt RS-Vinabima mang lại những lợi ích tiêu biểu như:

- Công suất đốt đa dạng từ 2000 đến 4000 kg/giờ, đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho một đơn vị hành chính.
- Thiết kế phù hợp với điều kiện Việt Nam.
- Việc thiết kế chế tạo hoàn toàn do người Việt Nam tự chủ về công nghệ.
- Công nghệ lò đốt hiện đại, mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao.
- Đặc biệt, dòng lò đốt Vinabima đã đạt được 2 ưu điểm đột phá:
  - **Đột phá về xử lý môi trường**: lò đốt đã được trang bị hệ thống xử lý khí thải (thu hồi bụi) bằng công nghệ khô - sử dụng lọc bụi túi vải, thu hồi được các loại bụi mịn PM10 trở lên.
  - **Đột phá về hiệu quả kinh tế**: thông qua việc tận dụng thu hồi nhiệt, lò đốt đã biến đổi nhiệt lượng của rác đốt thành nhiệt lượng hơi bão hòa để ứng dụng vào các quá trình sản xuất khác, mang lại lợi ích kinh tế to lớn, mang lại ý nghĩa “Rác là tài nguyên”.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu chi tiết công nghệ *Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-Vinabima*.



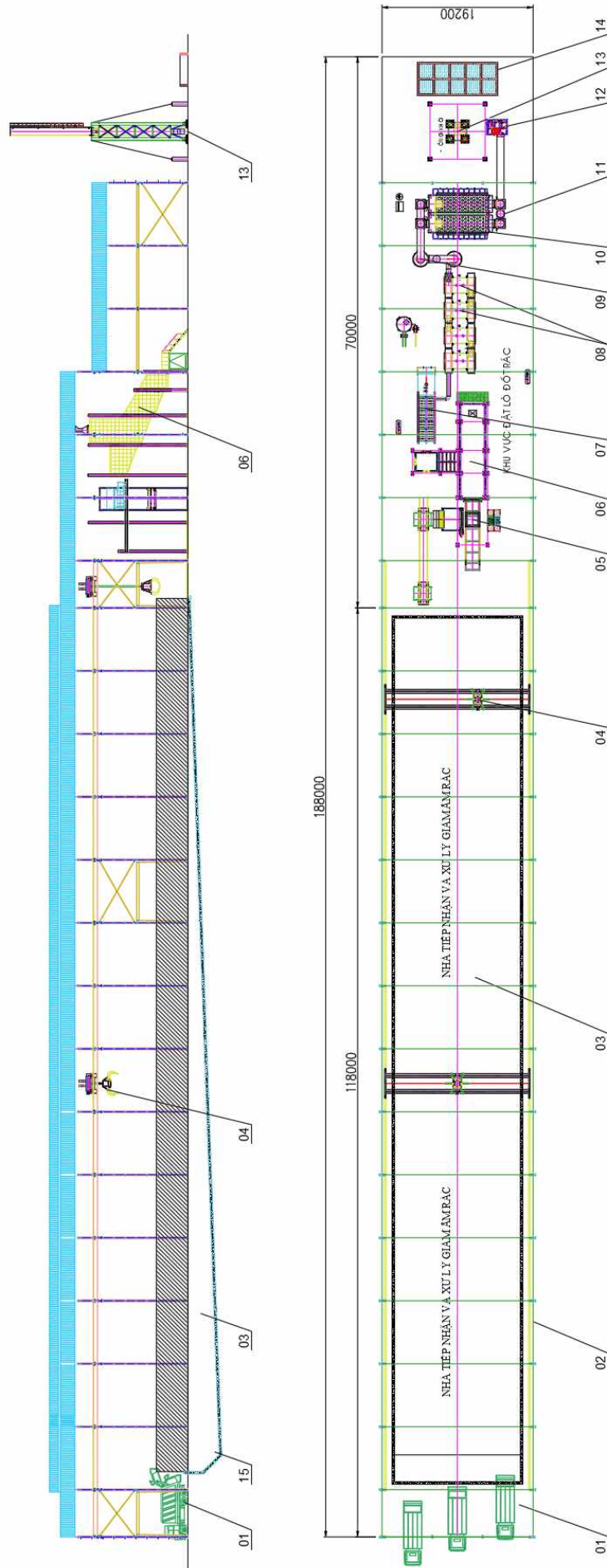
## 1.2. Thuyết minh dây chuyền công nghệ.

### 1.2.1. Quá trình chuẩn bị rác trước khi đốt

Rác thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam có đặc điểm độ ẩm cao: 50%; về mùa mưa độ ẩm tới 70% ÷ 80%.

Chính vì vậy, sau khi rác được thu gom từ các khu dân cư và tập kết về nhà máy xử lý rác, “rác tươi” cần phải trải qua quá trình xử lý giảm độ ẩm bằng cách ủ đảo trước khi đem đốt. Quá trình này sẽ được thực hiện trong **nhà tiếp nhận rác**:

- **Nhà tiếp nhận rác** được thiết kế có thể tiếp nhận lượng rác đốt trong 2 tháng, bao gồm *Khu vực tiếp nhận rác, khu vực thu nước rỉ rác* và *Khu vực đảo ủ giảm ẩm*:
  - + *Khu vực tiếp nhận rác*: Rác mới về hàng ngày sẽ được xe chở rác đổ trực tiếp vào *Khu vực tiếp nhận rác*.
  - + *Khu vực thu nước rỉ rác*: Phần đáy bể chứa rác được thiết kế đánh dốc về *Khu vực thu nước rỉ rác*, mục đích để nước rỉ rác của 2 khu vực còn lại sẽ thoát thoát tự nhiên về khu vực này. Sau đó nước rỉ rác sẽ được hút đưa đến Trạm xử lý nước rỉ rác để xử lý.
  - + *Khu vực đảo ủ giảm ẩm*: Rác sinh hoạt có độ ẩm rất cao, vì vậy rác phải trải qua quá trình giảm ẩm mới đủ điều kiện đem đốt. Rác được quy hoạch thành các khu vực trong bể, thời gian ủ đảo kéo dài từ 15 ngày đến 2 tháng, công tác này được thực hiện hoàn toàn cơ giới hóa bằng hệ thống cầu trục - gầu gắp rác. Chế phẩm vi sinh được phun vào rác thúc đẩy nhanh quá trình phân hủy hữu cơ, đồng thời chống ruồi muỗi, hạn chế phát tán mùi.
- Kết thúc quá trình giảm ẩm, rác đủ điều kiện đem đốt có độ ẩm  $\leq 30\%$ .
- Trong khoảng thời gian từ khi tiếp nhận rác đến khi đưa vào lò đốt, lượng nước rỉ rác thoát ra vào khoảng 5% khối lượng rác ban đầu. Bên cạnh đó quá trình giảm ẩm giúp khối lượng rác giảm đi khoảng 15% thông qua quá trình bay hơi của lượng nước trong rác. Như vậy, khối lượng rác đưa vào lò đốt chỉ còn khoảng 80% so với khối lượng rác tiếp nhận ban đầu.



**Hình 1: Mô tả Lò đốt rác thải sinh hoạt RS-Vinabima và Nhà xưởng xử lý rác**

- 01 - Vị trí tiếp nhận rác sinh hoạt; 02- Nhà tiếp nhận và xử lý giám âm; 03- Bể chứa rác; 04- Hệ thống cầu trục - gầu gắp;  
 05- Vị trí nạp rác vào lò đốt; 06- Lò đốt; 07- Nồi hơi hạ nhiệt khí thải / thu hồi nhiệt; 08- Nồi nước hạ nhiệt khí thải; 09- Thiết bị hấp thụ khí thải; 10- Lọc bụi túi vải; 11- Thiết bị hấp phụ khí thải; 12- Quạt hút; 13- Ống khói; 14- Bể chứa nước cấp;  
 15- Bể chứa rác để thu nước rỉ rác

### 1.2.2. Quá trình đốt rác

#### a) Quá trình nạp rác

- Khi rác được luân chuyển đến khoang cuối của *Nhà tiếp nhận rác*, lúc này độ ẩm của rác còn dưới 30%, đủ điều kiện để đưa vào lò đốt.
- Quá trình nạp rác được thực hiện hoàn toàn cơ giới hóa:
  - + Hệ thống nạp rác vào lò đốt hoàn toàn cơ giới hóa. Rác được định lượng trước khi nạp vào lò đốt. Hệ thống này có thể lưu lại lịch sử khối lượng rác nạp vào lò, sau này có thể truy xuất lại dữ liệu dễ dàng thông qua hệ thống máy tính điều khiển, hỗ trợ chủ đầu tư thuận tiện trong việc quản lý vận hành.
  - + Sau khi định lượng khối lượng rác, hệ thống *đầu đẩy* dẫn động thủy lực sẽ đẩy chất thải vào lò đốt. Tần suất nạp liệu do người vận hành điều khiển thông qua hệ thống điều khiển SCADA.

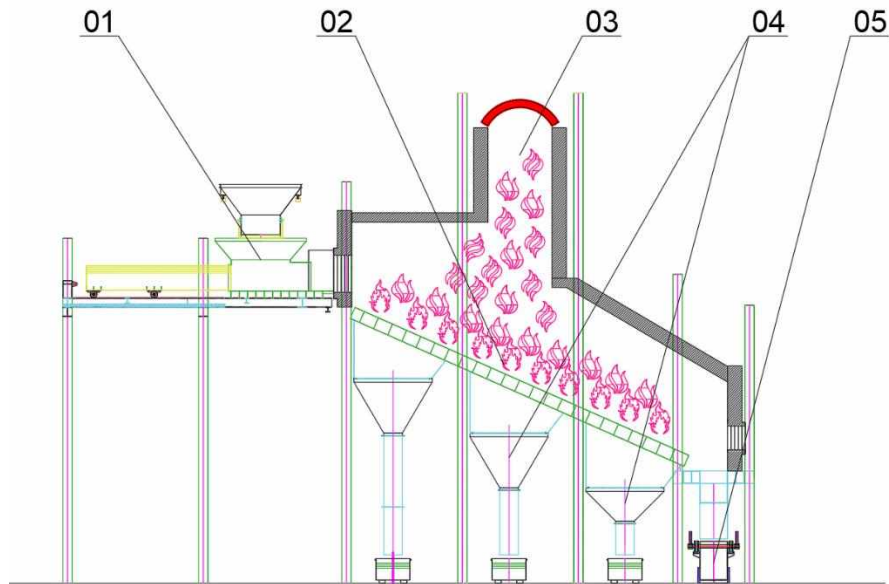
#### b) Quá trình cháy trong lò

Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-Vinabima là dạng lò đốt hai cấp, bao gồm buồng đốt sơ cấp và buồng đốt thứ cấp (hình 2).

**Buồng đốt sơ cấp** là là khu vực sử dụng nhiệt để chuyển hóa chất thải thành thể khí và thể rắn (tro xỉ, bụi). Nhiệt độ của buồng đốt sơ cấp được duy trì ở mức trên 400°C.

Trong buồng đốt sơ cấp có các sàn ghi thang, chuyển động tiến lùi. Chất thải nạp vào lò đốt sẽ chuyển động tịnh tiến trên các bậc ghi này, từ bậc ghi cao nhất đi xuống các bậc ghi thấp hơn, trải qua ba vùng cháy:

- + Vùng sấy: rác được sấy khô thông qua bức xạ nhiệt từ vùng cháy chính.
- + Vùng cháy chính: 80% lượng rác được cháy mãnh liệt ở vùng này.
- + Vùng cháy kiệt: vùng dưới cùng, rác đã được đốt cháy kiệt và chuyển thành dạng tro đáy.



**Hình 2: Mô tả quá trình đốt rác thải**

01. Hệ thống nạp rác; 02. Buồng đốt sơ cấp; 03. Buồng đốt thứ cấp;  
04. Phễu thu tro lọt ghi; 05. Máy thoát tro đáy

Tốc độ di chuyển của dòng chất thải trong lò đốt được điều khiển đảm bảo thời gian lưu cháy đủ dài để rác cháy kiệt. Sau khi đi hết sàn đốt cuối cùng, rác cháy hoàn toàn, chuyển thành dạng tro đáy. Công tác lấy tro đáy ra khỏi lò đốt được thực hiện hoàn toàn cơ giới hóa thông qua *máy ra tro đáy thủy lực*. Không khí cấp cho quá trình cháy của buồng sơ cấp thông qua hệ thống quạt thổi có biến tần, giúp điều chỉnh được lưu lượng không khí cấp vào dựa trên cường độ cháy hiện tại của lò đốt.



**Phòng điều khiển vận hành lò đốt**



*Việc vận hành lò đốt được điều khiển, giám sát, kiểm soát thông qua hệ thống SCADA đặt tại phòng điều khiển.*

Sau khi trải qua quá trình cháy ở buồng sơ cấp, rác thải từ thể rắn chuyển thành thể khí và tiếp tục đi vào **buồng đốt thứ cấp**. *Buồng đốt thứ cấp* là khu vực sử dụng nhiệt độ cao để thiêu đốt các thành phần của dòng khí được chuyển hóa từ vùng đốt sơ cấp. Tại đây, các thành phần trong khí thải như muội than, khí CO, CH<sub>4</sub>, v.v.... tiếp tục quá trình cháy và được thiêu đốt hoàn toàn.

Để phân hủy hoàn toàn thành phần khí Dioxin/Furan có trong khí thải, buồng đốt thứ cấp được thiết kế để thời gian lưu khí tại đây đủ dài ( $\geq 2s$ ) và nhiệt độ buồng đốt luôn duy trì ở mức  $\geq 950^{\circ}C$ . Trong trường hợp nhiệt độ của buồng đốt thứ cấp không đạt được mức yêu cầu, hệ thống đầu đốt dầu DO được kích hoạt tự động để gia nhiệt cho buồng đốt.

Không khí cấp vào buồng thứ cấp được điều chỉnh dựa trên trạng thái của quá trình cháy. Hệ thống an toàn bao gồm *van bypass* và *van phòng nổ* được thiết kế hoàn toàn tự động để phòng trường hợp xảy ra sự cố.

### **1.2.3. Quá trình xử lý khí thải**

Khí thải ra khỏi buồng đốt thứ cấp có nhiệt độ rất cao, chứa nhiều chất độc hại như Dioxin, Furan, khí CO, khí SO<sub>2</sub>, khí NO<sub>x</sub>, bụi, tro bay. Nếu không xử lý trước khi xả ra môi trường thì các thành phần này có thể gây ra nhiều tác hại cho môi trường và sức khỏe con người:

- Bụi, tro bay gây ra nhiều tác hại đối với sức khỏe con người: các bệnh lý về hô hấp; nhồi máu cơ tim; gây dị ứng, các bệnh lý về da, tai, mắt; ... Bên cạnh đó bụi còn gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái.

- Dioxin/Furan là những hợp chất vô cùng độc hại, có thể gây ra nguy hại lớn đến sức khỏe con người.
- Khí CO (Cacbon monoxit) là sản phẩm từ sự cháy không hoàn toàn của hydrocarbon. Khí CO có thể gây nghẹt thở, tổn thương đường hô hấp. Nếu ngộ độc trầm trọng có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe thần kinh, tim mạch, gây suy hô hấp.
- SO<sub>2</sub> (Sunfua dioxit) gây kích ứng niêm mạc mắt và các đường hô hấp trên. Ở nồng độ rất cao, SO<sub>2</sub> gây viêm kết mạc, bỏng và đục giác mạc, đặc biệt nguy hiểm khi tiếp xúc ào ạt. Đối với môi trường, khí SO<sub>2</sub> gây ô nhiễm bầu không khí và là một trong những chất gây ra mưa axit làm ăn mòn công trình, phá hoại cây cối.
- NO<sub>x</sub> (các Oxit Nitơ) là hỗn hợp NO và NO<sub>2</sub> đồng thời trong không khí. NO<sub>x</sub> kết hợp với Hemoglobin (Hb) tạo thành Methemoglobin (Met Hb), làm Hb không vận chuyển được oxy, gây ngạt cho cơ thể. Đối với môi trường, khí NO<sub>x</sub> tương tác với nước, oxy và các hóa chất khác trong khí quyển gây ra sương mù và mưa axit.
- Các chất khí có tính axit trong thành phần khí thải có thể phản ứng với nước, oxy trong khí quyển gây ra mưa axit phá hoại mùa màng, cây cối, ảnh hưởng các hệ sinh thái sông hồ, giảm tuổi thọ các công trình xây dựng, ...

Nếu không được xử lý, các chất độc trong khí thải có thể gây ra những ảnh hưởng vô cùng tiêu cực. Vì vậy, lò đốt rác thải sinh hoạt phải được trang bị các công nghệ để xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường, đáp ứng đầy đủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe con người:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ tối đa cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột A)	Phương pháp xử lý
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	30 (12)	- Tách lọc bụi trong khí thải tại Cyclone lọc bụi thô và Thiết bị lọc bụi tinh (lọc bụi túi vải)
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	20 (12)	- Hấp thụ bằng chất kiềm phun vào tháp hấp thụ.
3	Axit Flohydric, HF	mg/Nm <sup>3</sup>	2 (12)	- Hấp thụ bằng chất kiềm phun vào tháp hấp thụ.
4	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	120 (12)	- Dựa trên tình trạng cháy để cung cấp gió cho buồng đốt sao cho tỷ lệ

				Oxy cung cấp cho quá trình cháy là tối ưu. - Đầu đốt buồng thứ cấp duy trì nhiệt độ cao đảm bảo đốt cháy triệt để.
5	Lưu huỳnh dioxyt, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	80 (12)	- Hấp thụ bằng chất kiềm phun vào tháp hấp thụ.
6	Nitơ oxyt, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	180 (12)	- Hấp thụ bằng chất kiềm phun vào tháp hấp thụ và các sản phẩm sinh ra trong quá trình hấp thụ.
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,05 (12)	- Tách lọc tại thiết bị lọc bụi túi vải và hấp phụ tại thiết bị hấp phụ.
8	Tổng kim loại Cd, Tl và hợp chất tương ứng	mg/Nm <sup>3</sup>	0,05 (12)	- Tách lọc tại thiết bị lọc bụi túi vải và hấp phụ tại thiết bị hấp phụ.
9	Tổng các kim loại (bao gồm: Sb, As, Pb, Cr, Co, Cu, Mn, Ni, V và hợp chất tương ứng)	mg/Nm <sup>3</sup>	0.5 (12)	- Tách lọc tại thiết bị lọc bụi túi vải và hấp phụ tại thiết bị hấp phụ.
10	Tổng dioxin/furan, PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	0,2 (12)	- Duy trì nhiệt độ tại buồng đốt thứ cấp luôn ở mức ≥ 950°C và đảm bảo quá trình hạ nhiệt nhanh khí thải sau đó trong thời gian ≤ 2 giây.

### 1.2.3.1. Về Dioxin/Furan

Do Dioxin/Furan là các hợp chất độc hại bậc nhất sản sinh trong quá trình đốt rác và việc xử lý các hợp chất này cũng là một trong những công việc phức tạp nhất mà hệ thống lò đốt cần đảm bảo, vì vậy trước khi đi vào diễn tả quá trình xử lý khí thải, chúng ta sẽ tìm hiểu sơ bộ về Dioxin/Furan, từ đó hiểu rõ hơn cách thức lò đốt xử lý các hợp chất này.

Dioxin và các hợp chất tương tự là một nhóm bao gồm hàng trăm hợp chất hữu cơ độc hại và tồn tại bền vững trong môi trường, trong đó có 3 nhóm hợp chất là: Dioxin, Furan và PCBs.

Dioxin, Furan là những hợp chất rất độc hại, có thể gây ra các bệnh ung thư, bệnh đa u tủy, u lympho ác tính, bệnh thần kinh ngoại vi, thiếu năng sinh sản, ...

Về cơ chế hình thành, Dioxin được hình thành mạnh mẽ trong quá trình đốt cháy và quá trình nhiệt, đây là những chất được hình thành một cách không chủ định và có thể coi là sản phẩm phụ trong một số quá trình hóa học, chủ yếu là các quá trình

cháy trong đó có mặt các nguyên tố cacbon, oxy, hydro và clo. Quá trình đốt chất thải sinh hoạt là một quá trình nhiệt vì vậy cũng sẽ phát sinh Dioxin trong khí thải.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành Dioxin/Furan trong quá trình cháy, đặc biệt là 2 yếu tố sau:

- Việc điều khiển quá trình đốt kém dẫn đến sự cháy xảy ra không hoàn toàn, nhiệt độ cháy không đạt ngưỡng quy định.
- Sự hình thành Dioxin/furan được ghi nhận trong dải nhiệt độ 200÷600 °C, đặc biệt hình thành nhiều nhất ở dải nhiệt độ cháy 300÷450°C.

Dựa vào các đặc tính hình thành cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát sinh Dioxin/Furan, ta có thể đưa ra phương pháp để xử lý các hợp chất này như sau:

- Lò đốt phải được tính toán, thiết kế đảm bảo điều khiển được quá trình cháy diễn ra hoàn toàn, nhiệt độ của buồng đốt thứ cấp phải được duy trì ở mức  $\geq 950^{\circ}\text{C}$ , thời gian lưu cháy  $\geq 2$  giây để Dioxin/Furan bị phân hủy hoàn toàn (*QCVN 19:2024/BTNMT, cột A*).
- Do Dioxin/Furan sẽ hình thành nhiều nhất ở dải nhiệt độ 300÷450°C, vì vậy, để chống lại việc Dioxin/Furan tái sinh trở lại trong quá trình hạ nhiệt, việc hạ nhiệt khí thải xuống dưới 300 °C phải được diễn ra thật nhanh trong thời gian thật ngắn.

Như vậy, đối với Dioxin/Furan, việc xử lý các hợp chất này sẽ cần phối hợp vừa đảm bảo duy trì nhiệt độ cao tại *buồng đốt thứ cấp* của lò đốt, vừa đảm bảo hạ nhiệt độ khí thải thật nhanh ở *thiết bị hạ nhiệt nhanh* của hệ thống xử lý khí thải.

### 1.2.3.2. Quá trình xử lý khí thải

Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu tìm hiểu cụ thể công việc xử lý khí thải của lò đốt.

***Việc xử lý khí thải của lò đốt bao gồm thực hiện 3 nhiệm vụ là:***

- Giải nhiệt khí thải.
- Xử lý các chất độc có trong khí thải.
- Lọc bụi (tro bay) có trong khí thải.

#### **A. Giải nhiệt khí thải**

Khí thải ra khỏi lò đốt có nhiệt độ rất cao ( $\geq 950^{\circ}\text{C}$ ), vì vậy việc hạ nhiệt độ của khí thải là một điều tất yếu chúng ta phải làm, vừa đảm bảo quy trình xử lý khí thải, vừa để bảo vệ hệ thống thiết bị, làm tiền đề cho các bước xử lý tiếp theo.

Việc hạ nhiệt độ của khí thải cũng phải tính toán thực hiện đúng cách, nếu không sẽ gây tái sinh lại lượng khí độc Dioxin/Furan như đã nêu ở phần trên. Nhắc lại, do

Dioxin/Furan sẽ hình thành nhiều nhất ở dải nhiệt độ 300÷450°C, vì vậy, để chống lại việc Dioxin/Furan tái sinh trở lại trong quá trình hạ nhiệt, việc hạ nhiệt khí thải xuống dưới 300°C phải được diễn ra thật nhanh trong thời gian ngắn.

Với lò đốt RS-Vinabima, việc hạ nhanh nhiệt độ khí thải được thực hiện tại hai thiết bị:

+ **Nồi hơi hạ nhiệt khí thải / thu hồi nhiệt** có nhiệm vụ hạ nhiệt độ khí thải từ 950°C xuống dưới 300°C đồng thời sản sinh hơi bão hòa.

+ **Nồi nước hạ nhiệt khí thải** tiếp tục hạ nhiệt độ khí thải xuống dưới 150°C.

Hai thiết bị này cùng hoạt động dựa trên nguyên lý trao đổi nhiệt gián tiếp giữa khí thải và nước: khí thải đi vào thiết bị được cho đi qua dàn trao đổi nhiệt, nhiệt lượng của khí thải sẽ được chuyển vào nước một cách gián tiếp thông qua dàn ống kim loại. Nước nhận nhiệt và hóa hơi bão hòa, giải phóng nhiệt lượng của khí thải, làm cho nhiệt độ của khí thải được hạ xuống nhanh chóng.

Sự khác biệt của hai thiết bị này ở chỗ **Nồi hơi hạ nhiệt khí thải** có thể thu hồi nhiệt để sản sinh hơi bão hòa áp suất cao, còn **Nồi nước hạ nhiệt khí thải** chỉ có chức năng hạ nhiệt độ của khí thải, không sản sinh hơi nước áp suất cao.

Hơi bão hòa áp suất cao sản sinh từ **Nồi hơi thu hồi nhiệt** dễ dàng kết nối, cung cấp cho các hệ thống sản xuất khác như hệ thống hấp, sấy nông sản, hải sản; hệ thống chưng cất tinh dầu; hệ thống giặt là quần áo; ....

Trong trường hợp chưa có nhu cầu sử dụng hơi, **Nồi hơi thu hồi nhiệt** có thể chuyển sang chế độ **chỉ giải nhiệt** giống như **Nồi nước hạ nhiệt khí thải**, đảm bảo cho hệ thống lò đốt hoạt động ổn định.

**Chú ý:** *Khí thải của lò đốt và Hơi bão hòa sản sinh* hoàn toàn tách biệt. Hơi bão hòa sinh ra là hoàn toàn sạch, có thể sử dụng để sản xuất.

## **B. Xử lý các chất độc có trong khí thải**

### **b.1. Xử lý khí CO**

Nếu như khí SO<sub>2</sub>, khí CO<sub>2</sub>, khí NO<sub>x</sub>, khí HCl và bụi phát sinh một cách tất yếu do thành phần chất thải thì nguyên nhân hình thành khí CO và Dioxin/Furan lại phần nhiều do cách điều khiển sự cháy.

Khí CO lại phát sinh ra do sự cháy không hoàn toàn của carbon và các hợp chất chứa carbon, đặc biệt khi sự cháy thiếu oxy. Ta có thể giảm thiểu phát sinh khí CO bằng cách điều chỉnh 2 yếu tố của quá trình đốt:

+ Tỷ lệ “Nhiên liệu - Không khí”: Hệ số thừa không khí càng lớn thì lượng CO tạo thành càng ít, tuy nhiên không khí thừa sẽ dẫn tới sự tạo thành NO<sub>x</sub> nhiều

hơn. Vì vậy, nhờ các thiết bị hỗ trợ, người vận hành sẽ có thể cân đối điều chỉnh lượng không khí cấp vào lò sao cho phù hợp, vừa đủ.

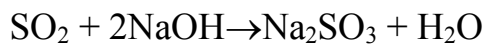
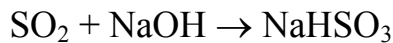
+ Cách nạp rác đốt: Để hạn chế sự tạo thành CO thì việc cấp rác phải thật hợp lý, sao cho vừa đủ cháy và ngọn lửa không bị tắt trong quá trình nạp liệu.

Trường hợp quá trình cháy không thuận lợi, khí CO phát sinh lớn, người vận hành kích hoạt hệ thống đầu đốt tại buồng đốt thứ cấp để đốt triệt để lượng khí CO đang phát sinh.

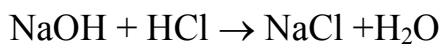
## **b.2. Xử lý các khí có tính axit tại Thiết bị hấp thụ khí thải**

**Thiết bị hấp thụ khí thải** có nhiệm vụ hấp thụ và trung hòa các chất khí có tính axit. Tại đây, chất kiềm mạnh được phun vào dòng khí thải chuyển động qua. Chất kiềm được phun tơi, phủ đều tiết diện khí thải đi vào, tiếp xúc, hòa trộn với dòng khí thải. Trong quá trình này, các khí cần hấp thụ sẽ tương tác với chất hấp thụ, từ đó trung hòa các khí có tính axit:

+ Phản ứng khử SO<sub>2</sub>:

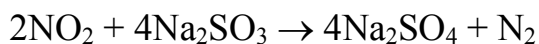


+ Phản ứng khử HCl:



+ Phản ứng khử NO<sub>x</sub>:

- Dung dịch kiềm NaOH và các sản phẩm muối tạo ra trong quá trình hấp thụ khí thải cũng hấp thụ hóa học NO<sub>x</sub>:



## **b.3. Hấp phụ kim loại nặng và khí độc tại Thiết bị hấp phụ khí thải**

Hấp phụ là quá trình xảy ra khi một chất khí hay chất lỏng bị hút trên bề mặt một chất rắn xốp. Chất khí hay hơi được gọi là chất bị hấp phụ, chất rắn xốp dùng để hút khí hay hơi gọi là chất hấp phụ, ở đây thiết bị sử dụng than hoạt tính để làm chất hấp phụ.

**Thiết bị hấp phụ khí thải** được đặt ở cuối của hệ thống xử lý khí thải, có tác dụng hấp phụ các kim loại nặng và khí độc còn lại trong khí thải. Khí thải đi vào thiết bị được cho đi qua các lớp than hoạt tính để quá trình hấp phụ được diễn ra.

Lượng than hoạt tính được tính toán và quy định thay định kỳ. Than hoạt tính đã qua sử dụng sẽ được xử lý chôn lấp.

### **C. Lọc bụi (tro bay) có trong khí thải**

*Tro bay trong khí thải ở dạng bụi, tổng khối lượng chiếm khoảng 2% khối lượng rác đốt, vì kích thước cũng như khối lượng rất nhỏ lại bay lẫn trong dòng khí thải nên việc thu hồi tro bay không đơn giản.*

Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima bao gồm 2 cấp lọc bụi: lọc bụi thô có kích thước  $>50\mu\text{m}$  (*Cyclone lọc bụi thô*) và lọc bụi tinh có kích thước dưới  $50\mu\text{m}$  (*Thiết bị lọc bụi túi vải*).

#### **c.1. Cyclone lọc bụi thô**

Ở cấp độ lọc bụi thô, khí thải sau khi ra khỏi *Nồi nước hạ nhiệt* sẽ tiếp tục đi vào *Cyclone lọc bụi thô* (hay *Silo lọc bụi thô*). *Cyclone lọc bụi thô* là thiết bị lọc bụi theo nguyên lý quán tính ly tâm, khí thải đi vào Cyclone theo phương tiếp tuyến với thân của cyclon và xoáy xuống dần dọc theo chiều cao của thiết bị, quỹ đạo di chuyển xoắn ốc. Bụi dưới tác dụng của lực ly tâm nên bị văng vào thành ống mát dần vận tốc và rơi xuống dưới. Dòng khí thải đã lọc bụi đi theo đường ống ra khỏi Cyclone.

#### **c.2. Thiết bị lọc bụi túi vải (lọc bụi tinh)**

Ở cấp độ lọc bụi tinh, hiện nay, sử dụng lọc túi vải là phương pháp tối ưu được áp dụng trên các lò đốt chất thải hiện đại của Thế giới. *Phương pháp này có hiệu quả lọc vào khoảng  $\approx 98\%$  với hạt bụi có kích thước  $\geq 30\mu\text{m}$* . Ứng dụng lọc bụi túi vải là ***bước đột phá công nghệ*** trong việc xử lý bụi lẫn trong khí thải.

*Thiết bị lọc bụi túi vải* lọc bụi dựa trên nguyên lý kích thước các lỗ dệt của túi vải nhỏ hơn đường kính của các hạt bụi, vì thế chúng có thể giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước lớn hơn lỗ dệt của túi vải. Hệ thống các túi vải được đặt trên đường đi của khí thải. Các túi vải được dệt từ sợi đặc biệt, chịu nhiệt độ đến 250 độ C. Khi khí thải đi qua túi lọc, các hạt bụi và tro bay lẫn trong khí thải sẽ bị túi vải giữ lại, khí thải đã được lọc bụi sẽ thoát qua và đi tiếp. Trong quá trình hoạt động, các hạt bụi bị túi vải giữ lại sẽ tích tụ và tạo thành lớp bụi bám trên bề mặt vải, làm tăng sức cản dòng khí thải đi qua túi. Vì vậy, thiết bị bao gồm hệ thống tự động hoàn nguyên (làm sạch) túi vải. Khí nén cao áp được phối hợp thổi theo chu kỳ để tạo ra xung lực

giúp giữ sạch bụi bám trên bề mặt túi. Bụi rơi xuống các phễu thu và theo các vít tải thoát về các thùng chứa kín, đảm bảo không phát tán ra môi trường.

## **D. Các thành phần còn lại của hệ thống xử lý khí thải**

### **d.1. Quạt hút**

Áp suất hút của quạt hút phải thắng được tổng trở lực trên đường chuyển động của khí thải. Quạt hút có chức năng tạo áp suất âm cho toàn bộ hệ thống lò đốt và các thiết bị xử lý khí thải, đẩy khí thải vào ống khói để thoát vào khí quyển.

### **d.2. Ống khói**

Sau khi khí thải được xử lý và đạt các yêu cầu bảo vệ môi trường, khí thải đi qua quạt hút vào ống khói để thoát vào khí quyển. Ống khói có vị trí để lấy mẫu kiểm tra định kì và kiểm tra online.

### **1.2.4. Tận dụng thu hồi nhiệt để phục vụ sản xuất**

Lò đốt chất thải RS-Vinabima được tích hợp nồi hơi nhằm thu hồi tận dụng nhiệt từ quá trình đốt cháy. Điều này mang lại nhiều lợi ích: vừa đảm bảo việc xử lý rác thải, vừa đạt được mục tiêu thu được thêm những nguồn lợi mới từ chất thải, thu hồi năng lượng từ xử lý rác.

Trung bình mỗi 1 tấn rác sinh hoạt có thể sản sinh ra 1 tấn hơi bão hòa với áp suất định mức là 7 bar và nhiệt độ khoảng 165 độ C. Hơi bão hòa sản sinh ra có thể sử dụng vào các công việc như:

- + Sấy rác sinh hoạt để tăng hiệu quả của quá trình đốt.
- + Sấy nông - lâm sản.
- + Giặt là công nghiệp.
- + Chung cất tinh dầu.
- + Áp dụng vào các công nghệ xử lý chất thải khác hoặc công việc sản xuất khác.

***Việc thu hồi nhiệt từ quá trình đốt rác để phục vụ sản xuất tạo ra lợi ích kinh tế to lớn, mang lại ý nghĩa “Rác là tài nguyên”.***

### **1.2.5. Thu hồi tro xỉ**

Tro xỉ của quá trình đốt bao gồm *Tro đáy* và *Tro bay*:

- *Tro đáy*: loại tro xỉ có khối lượng lớn, nằm lại trên ghi và được thu hồi nhờ thiết bị ra xỉ ở đáy lò đốt. Thông thường lượng tro đáy chiếm khoảng 10-20% khối lượng rác ban đầu tùy theo các thành phần chất trợ, chất thải xây dựng lẫn trong rác. *Tro đáy* được thu hồi nhờ *Thiết bị thu xỉ* ở đáy lò đốt.

- *Tro bay*: loại tro xỉ dạng bụi mịn, có khối lượng rất nhỏ nên thường sẽ bay theo lẫn vào dòng khí thải. *Tro bay* được thu hồi nhờ *Thiết bị lọc bụi túi vải*.

Lượng tro xỉ thu hồi được này có thể xử lý theo các cách tham khảo sau:

1. Đối với tro đáy, nên tập kết tại một khu xử lý tro xỉ và xử lý theo cách sau:
  - + Đưa tro đáy vào hệ thống băng tải và cho đi qua máy tuyển từ để loại bỏ các thành phần sắt, thép, kim loại lẫn trong tro xỉ. Lượng sắt thép này làm sạch có thể tái sử dụng, tái chế.
  - + Sau khi loại bỏ kim loại, tro xỉ được tuyển sàng lọc ra các thành phần có thể làm vật liệu san nền và tập kết tại “*Ô tập kết vật liệu san nền*” để sử dụng trong các trường hợp phù hợp.
  - + Các thành phần tro xỉ còn lại được đem đi chôn lấp.
2. Đối với tro bay, do tro bay có lẫn cả các thành phần sinh ra trong quá trình xử lý khí thải, vì vậy tro bay chỉ có thể đem đi chôn lấp.

### 1.2.6. Thu hồi nước rỉ rác

+ Nước rỉ rác được định nghĩa là: nước có sẵn trong rác thải cộng với lượng nước sinh ra từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ có trong rác.

+ Khi rác được đưa về tập kết trong nhà chứa rác, lượng nước rỉ rác thoát ra bằng khoảng trên dưới 5% khối lượng rác ban đầu. Lượng nước này được thu hồi về các bể chứa, sau đó đưa về Trạm xử lý nước rỉ rác để xử lý.

+ Thông thường, chủ đầu tư sẽ chủ động xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác này hoặc thuê các đơn vị khác có chức năng xử lý.

- **Biện pháp xử lý nước rỉ rác:** Hiện nay, có các biện pháp sau:

1. Sử dụng thiết bị và hóa chất để xử lý từ nước rỉ rác thành nước đạt tiêu chuẩn loại B hoặc loại A tùy theo yêu cầu.
2. Sử dụng biện pháp sinh học để xử lý từ nước rỉ rác thành nước đạt tiêu chuẩn loại B hoặc loại A tùy theo yêu cầu.

### 1.3. Kết quả thẩm định công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đơn trình Bộ KH&CN đề nghị thẩm định Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-Vinabima:

CÔNG TY CP MÁY XÂY DỰNG VINABIMA TIÊN SON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ

Chúng tôi:

+ Đơn vị đề xuất Công nghệ và thiết kế, chế tạo lò đốt chất thải rắn sinh hoạt

Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn

Địa chỉ: Đường TS11, KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ lò đốt RS-Vinabima của Bộ KH&CN:

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số : *2611* /QĐ-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *10* tháng *9* năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-4000-Vinabima, công suất 4000 kg/h

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8 /2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn tại Văn bản ngày 30/8/2018 và hồ sơ gửi kèm;

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ,

- Danh sách thành viên Hội đồng thẩm định công nghệ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt

**PHỤ LỤC**  
Danh sách Hội đồng thẩm định công nghệ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt  
RS-4000-Vinabima, công suất 4000 kg/h

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-BKHCN ngày 10/9/2018 của Bộ KH&CN)

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh trong HĐ
1	TS. Đỗ Hoài Nam	Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	Chủ tịch Hội đồng
2	GS.TS. Đặng Kim Chi	Chủ tịch Hội đồng khoa học kỹ thuật, Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam	Ủy viên phản biện
3	PGS.TS. Trương Duy Nghĩa	Chủ tịch Hội Nhiệt Việt Nam	Ủy viên phản biện
4	PGS.TS. Trịnh Văn Tuyên	Viện trưởng Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt	Ủy viên

**- Thông báo Kết quả thẩm định công nghệ lò đốt RS-Vinabima của Bộ KH&CN:**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 3016 /BKHCN-ĐTĐ**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2018**

V/v công nghệ lò đốt chất thải rắn sinh  
hoạt công suất 4000 kg/h, ký hiệu RS-  
Vinabima-4000

Kính gửi: Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn

Phúc đáp Văn bản ngày 30/8/2018 của Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn về việc đánh giá công nghệ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 4000 kg/h, ký hiệu RS-Vinabima-4000, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định công nghệ họp ngày 19/9/2018 (Hội đồng được thành lập theo Quyết định số 2611/QĐ-BKHCN ngày 10/9/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ); Căn cứ Văn bản giải trình số 08/Vinabima ngày 20/9/2018 của Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Công nghệ xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt sử dụng lò đốt kiểu đứng, nhiều tầng ghi, có các hàng ghi di động kiểu tiến và lùi, ký hiệu RS-Vinabima-4000, là công nghệ phù hợp trong xử lý CTR sinh hoạt của Việt Nam, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xã hội hóa công tác xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến nhằm bảo vệ môi trường. Hội đồng thẩm định đánh giá cao và nhất trí với công nghệ của lò đốt RS-Vinabima-4000.

2. Một số đặc điểm chính của công nghệ:

- Lò RS-Vinabima-4000 được thiết kế gồm 2 buồng đốt: sơ cấp và thứ cấp, có ba tầng ghi, mỗi tầng có các hàng ghi tĩnh và các hàng ghi động. Các hàng ghi động dịch chuyển tiến và lùi nhờ hệ thống piston thủy lực.

- Lò đốt và tất cả các thiết bị chính, hệ thống xử lý khí thải đều được tính toán có cơ sở khoa học, sáng tạo, đảm bảo làm việc ổn định và chắc chắn trong điều kiện vận hành liên tục. Lò đã được cơ khí hóa và tự động hóa trong các khâu cấp liệu, nạp liệu, lấy tro xỉ, được tính toán, thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt QCVN61-MT:2016/BTNMT.

- Thành phần khói thải ra, đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt QCVN61-MT:2016/BTNMT.

Một số ưu điểm của công nghệ:

- Lò có cấu trúc gọn, tính toán khoa học, kiểu dáng công nghiệp, trường hợp thay đổi kích thước và số lượng tầng ghi có thể tạo ra một lớp lò RS-VINABIMA có năng suất cao hơn phục vụ nhu cầu mở rộng công suất đốt của lò. Đây là lò đốt rác được các Nhà khoa học và kỹ sư Việt Nam chủ động thiết kế, theo mô hình kết hợp giữa các Nhà khoa học và Doanh nghiệp, hoàn toàn không sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- CTR sinh hoạt đưa vào lò được giảm ẩm bằng thiết bị sấy kiểu tang trống quay, môi chất sấy là không khí nóng nhận được từ thiết bị trao đổi nhiệt, tận dụng nhiệt của khí thải.

- Hệ thống ghi lò được cải tiến, độ chênh tại vị trí chuyển tiếp giữa các tầng ghi được nâng cao để đảo trộn rác tốt hơn, thể tích không gian cháy được thiết kế rộng hơn giúp hiệu suất cháy tốt hơn.

- Hệ thống cách nhiệt lò được thiết kế đảm bảo. Tốc độ tịnh tiến của cơ cấu đẩy rác vào lò được điều khiển bằng biến tần để đảm bảo sự tương tác phù hợp giữa năng suất nạp rác và cường độ cháy rác trong lò.

- Hệ thống xử lý khói thải gồm các thiết bị giải nhiệt gián tiếp, trực tiếp, hấp thụ, tách nước, hấp phụ, quạt hút, ống khói, các bể lắng bùn. Ba thiết bị cơ bản: thiết bị giải nhiệt trực tiếp, thiết bị hấp thụ, thiết bị tách nước có nhiều cải tiến trong thiết kế, khắc phục được một số nhược điểm của các thiết bị sử dụng theo nguyên lý truyền thống trước đó, nâng cao hiệu suất xử lý khí thải và bảo đảm khói thải ra đạt quy chuẩn.

### 3. Một số nội dung cần lưu ý:

- Xu thế hiện nay của xử lý CTR là tái chế, tái sử dụng và tận dụng năng lượng từ CTR. Cần lưu ý đến khâu phân loại để tái chế, tái sử dụng nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.

- Lưu ý việc xử lý nước rỉ rác, mùi và côn trùng tại nơi tập kết. Tro, xỉ sau khi đốt cần được xử lý an toàn và hợp vệ sinh.

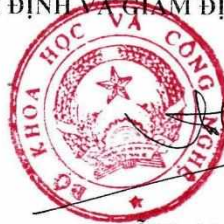
- Trong thời gian tới, công ty cần có hướng nghiên cứu để tận dụng được nhiệt thải từ CTR để phát điện hoặc cấp nhiệt cho các hộ tiêu dùng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá về công nghệ xử lý CTR sinh hoạt bằng lò đốt RS-Vinabima-4000, do Công ty Cổ phần máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn thiết kế và chế tạo.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT, Vụ DTG.

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ ĐÁNH GIÁ,  
THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ




Đỗ Hoài Nam

## 1.4. Kết quả quan trắc khí thải và phân tích tro thải.

### 1.4.1. Kết quả đo lò đốt RS-Vinabima tại Thái Bình.


Kết quả quan trắc khí thải và phân tích tro thải của lò RS-Vinabima, công suất đốt 4000kg/h cung cấp cho Công ty CP Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình, lắp đặt tại TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

#### a) Kết quả quan trắc Mẫu khí thải:



**BỘ TƯ LỆNH HÓA HỌC**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

Giấy phép hoạt động Khoa học Công nghệ số A-358 do Bộ KH&CN cấp  
Chứng chỉ công nhận Cơ sở kiểm nghiệm chất lượng số C5-02/QĐ-TĐC  
Chứng chỉ công nhận PTN phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 số 1019/QĐ-CN



Trụ sở: Số 282 Đ. Lạc Long Quân  
P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP Hà Nội  
ĐT, Fax: (84).04.375.92.957


## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 016.1.01.1.02.120.18...

Tên mẫu	Mẫu khí thải				
Vị trí lấy mẫu	Khí thải từ ống khói lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-4000 Vinabima công suất 4.000 kg/h do Công ty CP Máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn chế tạo và được lắp đặt tại Xí nghiệp xử lý rác sinh hoạt (thuộc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình), số 2 cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiến Phong, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình				
Phương pháp lấy mẫu:	Đo nhanh và hấp thụ hóa học				
Loại mẫu	Khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt				
Ngày lấy mẫu: 24/8/2018	Ngày phân tích: 24/8 - 07/9/2018				
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm-	ĐVT	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả KK1	Quy chuẩn so sánh QCVN 61-MT 2016/BTNMT
1	Nhiệt độ khí thải ra môi trường	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	169	≤180
2	Lượng oxi dư	%	US EPA3	10,8	6-15
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5977:2005	79,58	100
4	Axít clohidric (HCl) (+)	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7244:2003	9,27	50
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7242:2003	142,15	250
6	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6750:2005	18,41	250
7	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7172:2002	68,19	500
8	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân (Hg) (+)	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5977:2005	Kpht	0,2
9	Cadimi và các hợp chất tính theo cadimi (Cd)(+)	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7557:2005	Kpht	0,16
10	Chì và các hợp chất tính theo chì (Pb)(+)	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7557:2005	Kpht	1,2
11	17 đồng phân của Dioxins/Furans	ng TEQ/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7556-3:2005	0,46	0,6


**Ghi chú:** - (kph) - không phát hiện thấy; - (+): Trích kết quả phân tích của nhà thầu phụ;  
-QCVN 61-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.  
Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2018

KIỂM ĐỊNH VIÊN




ThS. Trần Văn Công

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN




ThS. Đinh Văn Thức

P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Thượng tá Đậu Xuân Hoài



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Trung tâm CNXLMT trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm CNXLMT.  
3. (\*) Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

C5-02 STBM.23.18

Lần ban hành: 3.2012

Trang...../.....




**NỒNG ĐỘ CÁC ĐỒNG LOẠI CỦA PCDD/PCDF TRONG MẪU KK1**

TT	Chất phân tích	Nồng độ (pg/Nm <sup>3</sup> )	I-TEF (1988)	Độ độc I-TEQ <sub>1988</sub>		WHO - TEF (2005)	Độ độc WHO-TEQ <sub>2005</sub>	
				I- TEQ <sub>LB</sub>	I- TEQ <sub>UB</sub>		WHO- TEQ <sub>LB</sub>	WHO- TEQ <sub>UB</sub>
1	2,3,7,8-TCDD	28,2	1	28,2	28,2	1	28,2	28,2
2	1,2,3,7,8-PeCDD	153,4	0,5	76,7	76,7	1	153,4	153,4
3	1,2,3,4,7,8-HxCDD	158,2	0,1	15,82	15,82	0,1	15,82	15,82
4	1,2,3,6,7,8-HxCDD	165,6	0,1	16,56	16,56	0,1	16,56	16,56
5	1,2,3,7,8,9-HxCDD	174,4	0,1	17,44	17,44	0,1	17,44	17,44
6	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	516,2	0,01	5,162	5,162	0,01	5,162	5,162
7	OCDD	412,3	0,001	0,4123	0,4123	0,0003	0,12369	0,12369
8	2,3,7,8-TCDF	382,8	0,1	38,28	38,28	0,1	38,28	38,28
9	1,2,3,7,8-PeCDF	396,2	0,05	19,81	19,81	0,03	11,886	11,886
10	2,3,4,7,8-PeCDF	328,7	0,5	164,35	164,35	0,3	98,61	98,61
11	1,2,3,4,7,8-HxCDF	242,2	0,1	24,22	24,22	0,1	24,22	24,22
12	1,2,3,6,7,8-HxCDF	261,4	0,1	26,14	26,14	0,1	26,14	26,14
13	2,3,4,6,7,8-HxCDF	79,6	0,1	7,96	7,96	0,1	7,96	7,96
14	1,2,3,7,8,9-HxCDF	125,3	0,1	12,53	12,53	0,1	12,53	12,53
15	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	241,4	0,01	2,414	2,414	0,01	2,414	2,414
16	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	191,3	0,01	1,913	1,913	0,01	1,913	1,913
17	OCDF	286,9	0,001	0,2869	0,2869	0,0003	0,08607	0,08607
<b>Tổng độ độc TEQ<sub>PCDD/PCDF</sub> (pg/Nm<sup>3</sup>)</b>				<b>458,20</b>	<b>458,20</b>		<b>460,74</b>	<b>460,74</b>
<b>Tổng độ độc TEQ<sub>PCDD/PCDF</sub> (ND=1/2DL)</b>				<b>458,20</b>			<b>460,74</b>	
<b>Tỉ lệ 2,3,7,8-TCDD/TEQ<sub>PCDD/PCDF</sub> (%)</b>				<b>6,15</b>	<b>6,15</b>		<b>6,12</b>	<b>6,12</b>


**Kết luận:** Tổng độ độc của PCDD/PCDF trong mẫu KT0918\_48 (ND=1/2DL) là 460,74 pg WHO-TEQ<sub>2005</sub>/Nm<sup>3</sup> (0,460 ng WHO-TEQ<sub>2005</sub>/Nm<sup>3</sup>)

**b) Kết quả phân tích Mẫu tro thải:**



**BỘ TƯ LỆNH HÓA HỌC**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

Giấy phép hoạt động Khoa học Công nghệ số A-358 do Bộ KH&CN cấp  
Chứng chỉ công nhận Cơ sở kiểm nghiệm chất lượng số C5-02/QĐ-TĐC  
Chứng chỉ công nhận PTN phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 số 1019/QĐ-CNC



Trụ sở: Số 282 Đ. Lạc Long Quân  
P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP Hà Nội  
ĐT, Fax: (84).04.375.92.957

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2018/221.1.01.120.18

Tên mẫu	Mẫu tro xỉ
Vị trí lấy mẫu	Khoang chứa tro xỉ của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-4000 Vinabima công suất 4.000 kg/h do Công ty CP Máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn chế tạo và được lắp đặt tại Xí nghiệp xử lý rác sinh hoạt (thuộc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình), số 2 cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Phương pháp lấy mẫu	Đo nhanh và hấp thụ hóa học
Loại mẫu	Mẫu tro xỉ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt
Ngày lấy mẫu: 24/8/2018	Ngày phân tích: 24/8 – 07/9/2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				TX	QCVN 07:2009/BTNMT (Nồng độ ngâm chiết) Ctc (mg/l)
1	pH		ASTM D4980-89	8,15	Tính kiềm, pH ≥ 12,5
2	Tính dễ cháy(+)	°C	ASTM D3278-96	58	Tính axit, pH ≤ 2,0 Nhiệt độ chớp cháy ≤ 60°C
3	Xianua hoạt động (+)	mg/kg	EPA SW-846 Method 9010	0,92	30 <sup>(*)</sup>
4	Xianua tổng(+)	mg/kg	EPA SW-846 Method 9010	8,26	590 <sup>(*)</sup>
5	F(+)	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6494 -1:2011	3,18	180
6	Ag	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	1,16	5
7	As	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6626:2000	0,007	2
8	Ba	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	11,25	100
9	Be	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	Kpht	0,1
10	Cd	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6193:1996	Kpht	0,5
11	Co(+)	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6193:1996	4,17	80
12	Cr <sup>6+</sup>	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6658:2000	Kpht*	5
13	Hg(+)	mg/l	TCVN 7877:2008	Kpht	0,2

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Trung tâm CNXLMT trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm CNXLMT.  
3. (\*) Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

C5-02 STBM.23.18

Lần ban hành: 3.2012

Trang...../.....

14	Mo(+)	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	0,82	350
15	Ni	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6193:1996	5,68	70
16	Pb	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6193:1996	1,76	15
17	Sb	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	Kpht	1
18	Se	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	0,32	1
19	Ta(+)	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	Kpht	7
20	Va(+)	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	0,58	25
21	Zn	mg/l	ASTM D5233-92 TCVN 6193:1996	14,26	25
22	Amiang(+)	mg/kg	ASTM D5233-92 TCVN 6665:2011	600	10.000 (*)

- **Ghi chú:** - kpht - không phát hiện thấy; - (+): Trích kết quả phân tích của nhà thầu phụ.

- (\*): Ký hiệu cho cột hàm lượng tuyệt đối cơ sở H(ppm)


- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

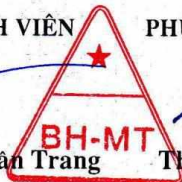
Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2018

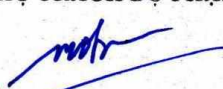
KIỂM ĐỊNH VIÊN

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

  
ThS. Phan Xuân Trang



  
ThS. Nguyễn Văn Hà



Thượng tá Đậu Xuân Hoài

**c) Kết quả phân tích Mẫu không khí xung quanh:**

Centre for Technology Environmental Treatment  
21.10.1993

**BỘ TƯ LỆNH HÓA HỌC**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

Giấy phép hoạt động Khoa học Công nghệ số A-358 do Bộ KH&CN cấp  
Chứng chỉ công nhận Cơ sở kiểm nghiệm chất lượng số C5-02/QĐ-TĐC  
Chứng chỉ công nhận PTN phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 số 1019/QĐ-CNC

Trụ sở: Số 282 Đ. Lạc Long Quân  
P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP Hà Nội  
ĐT, Fax: (84).04.375.92.957

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 1103.1.021.1...04.120.18...  
Số: ---  
B.M

Tên mẫu	Mẫu khí khu vực xung quanh					
Vị trí lấy mẫu	Không khí xung quang khu vực lò đốt chất thải rắn sinh hoạt RS-4000 Vinabima công suất 4.000 kg/h do Công ty CP Máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn chế tạo và được lắp đặt tại Xí nghiệp xử lý rác sinh hoạt (thuộc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình), số 2 cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình					
Phương pháp lấy mẫu	Đo nhanh và hấp thụ hóa học					
Loại mẫu	Không khí xung quanh					
Ngày lấy mẫu: 24/8/2018			Ngày phân tích: 24/8 – 07/9/2018			
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	ĐVT	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		Tiêu chuẩn so sánh QCVN 05-2013/BTNMT
				KK1	KK2	
1	Bụi tổng lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	11,58	31,58	300
2	PM <sub>10</sub>	µg/m <sup>3</sup>	AS/NZS 3580.9.6:2003	0,51	1,16	-
3	CO	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5972:1995	2.627	9.627	30.000
4	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5978:1995	25,47	138,47	350
5	NO <sub>x</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6138:1996	15,52	74,52	200
6	O <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 7171:2002	Kpht	Kpht	200
7	Chì và các hợp chất tính theo chì (Pb)	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 7557:2005	Kpht	Kpht	-

**Ghi chú:** (-): không quy định; kpht - không phát hiện thấy;  
 - (+): Trích kết quả phân tích của nhà thầu phụ.  
 - QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.  
 - K1: Mẫu khí phía đầu hướng gió, cách ống khói 200m (20.471964; 106.330914);  
 - K2: Mẫu khí phía cuối hướng gió, tại vị trí sau ống khói 200m (20.473255; 106.334202);

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2018

KIỂM ĐỊNH VIÊN PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

ThS.Phan Xuân Trang

ThS.Nguyễn Văn Hà

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Thượng tá Đặng Xuân Hoài

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Trung tâm CNXLMT trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm CNXLMT.  
 3. (\*) Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

C5-02 STBM.23.18

Lần ban hành: 3.2012

Trang...../.....

### 1.4.2. Kết quả đo lò đốt RS-Vinabima tại Bắc Ninh.

Kết quả quan trắc khí thải và phân tích tro thải của lò RS-Vinabima, công suất đốt 4000kg/h cung cấp cho Công ty CP Môi trường Thuận Thành, lắp đặt tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

#### a) Kết quả quan trắc Mẫu khí thải:

	VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 366 - VIMCERT 079) Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203	  ISO 9001:2015			
	<b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b>	Số: 01A2011.239			
<b>Đơn vị yêu cầu thử nghiệm</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY XÂY DỰNG VINABIMA TIÊN SON				
<b>Địa chỉ</b>	: Đường TS11-KCN Tiên Sơn – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh.				
<b>Địa điểm lấy mẫu</b>	: Nhà máy xử lý rác thải Ngũ Thái, Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh				
<b>Loại mẫu</b>	: Khí thải ống khói lò đốt số 3 (4000kg/h)				
<b>Số lượng mẫu</b>	: 1				
<b>Thời gian nhận mẫu</b>	: 28/11/2020				
<b>Thời gian thử nghiệm</b>	: 28/11/2020 - 10/12/2020				
TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT Giá trị tối đa cho phép
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	97	100
2	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm <sup>3</sup>	0,14	0,16
3	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	mg/Nm <sup>3</sup>	0,002	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm <sup>3</sup>	1,09	1,2
5	HCl	US EPA Method 26A	mg/Nm <sup>3</sup>	4,54	50
6	SO <sub>2</sub>	HD-HTKT	mg/Nm <sup>3</sup>	<5	250
7	NO <sub>x</sub>	US EPA Method 7	mg/Nm <sup>3</sup>	108,2	500
8	CO	HD-HTKT	mg/Nm <sup>3</sup>	<10	250
9	Tổng Dioxin/ Furan <sup>(b)</sup>	US EPA Method 23A	ng-TEQ/Nm <sup>3</sup>	0,006	0,6

**Ghi chú:**

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- (b): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ;


Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  <b>Vũ Văn Tú</b>	QA/QC  <b>Phạm Hải Long</b>	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÒNG VIỆN TRƯỞNG  <b>Nguyễn Thành Đồng</b>
--	-----------------------------------	--

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.


BM 22-10 Ngày hiện lực: 01/8/2019 Trang: 1/1

**b) Kết quả phân tích Không khí xung quanh lò đốt:**



**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**  
**VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**  
(VILAS 366 - VIMCERT 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791 1654



**Số: 01A2011.240-243**

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Đơn vị yêu cầu thử nghiệm**  
**Địa chỉ**  
**Địa điểm lấy mẫu**  
**Loại mẫu**  
**Số lượng mẫu**  
**Thời gian nhận mẫu**  
**Thời gian thử nghiệm**

**Số: 01A2011.240-243**

**: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY XÂY DỰNG VINABIMA TIÊN SƠN**  
**: Đường TS11-KCN Tiên Sơn – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh.**  
**: Nhà máy xử lý rác thải Ngũ Thái, Công ty có phân môi trường Thuận Thành, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**  
**: Không khí xung quanh lò đốt số 3**  
**: 4**  
**: 28/11/2020**  
**: 28/11/2020 - 10/12/2020**


TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				K1	K2	K3	K4	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	21,6	23,7	22,5	22,9	-
2.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,5	63,4	64,9	65,1	-
3.	Tốc độ gió*	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,1	0,6	1,2	1,1	-
4.	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	MASA Method 704A	124,8	134,8	166,8	151,6	350
5.	CO	µg/m <sup>3</sup>	HDPTXQ-CO-01	5,994	6,013	6,060	6,106	30.000
6.	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	MASA Method 406	41,75	40,79	41,52	40,14	200

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.  
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 22-10


Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 1/2



**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**  
**VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**  
(VILAS 366 - VIMCERT 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791.1654



Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

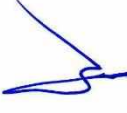
Phạm Hải Long  
Nguyễn Thành Đồng

**Ghi chú:**


- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- 01A2011.240: K1: Công vào nhà máy xử lý rác Ngũ Thái (Kinh độ: 106°03'13", Vĩ độ: 21°01'17")
- 01A2011.241: K2: Tại chân ống khói lò đốt số 3 (Kinh độ: 106°03'10", Vĩ độ: 21°01'09")
- 01A2011.242: K3: Cách chân ống khói 100m theo hướng gió (Kinh độ: 106°03'09", Vĩ độ: 21°01'06")
- 01A2011.243: K4: Cách chân ống khói 200m theo hướng gió (Kinh độ: 106°03'07", Vĩ độ: 21°01'05")

PHÒNG PHÂN TÍCH  
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC




Wu Van Tu



VIỆN  
CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM



Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 2/2


1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được tái-ích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 22-10

**c) Kết quả phân tích Mẫu tro xỉ thải:**



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 366 - VIMCERT 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

Số: 01S2011.215

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Đơn vị yêu cầu thử nghiệm**  
**Địa chỉ**  
 : CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY XÂY DỰNG VINABIMA TIÊN SON  
 : Đường TS11-KCN Tiên Sơn – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh.  
**Địa điểm lấy mẫu**  
 : Nhà máy xử lý rác thải Ngũ Thái, Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh  
**Loại mẫu**  
 : Chất thải rắn  
**Tình trạng mẫu**  
 : Bảo quản lạnh, nguyên khai  
**Số lượng mẫu**  
 : 1  
**Thời gian nhận mẫu**  
 : 28/11/2020  
**Thời gian thử nghiệm**  
 : 28/11/2020 - 10/12/2020

TT	Thông số	Nồng độ ngâm chiết (mg/L)		Hàm lượng tuyệt đối cơ số, H (ppm)	
		Phương pháp thử	Kết quả	Phương pháp thử	Kết quả
1.	Thiếc (Ti)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	<0,001	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	108,08
2.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,0006	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	3,088
3.	Bạc (Ag)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,001	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	77,2
4.	Bari (Ba)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,605	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	1.544
5.	Cadimi (Cd)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	<0,001	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	7,72

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 1/3

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
 VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
 PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
 (VILAS 366 - VIMCERT 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
 Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

TT	Thông số	Nồng độ ngấm chiết (mg/L)		Hàm lượng tuyệt đối cơ số, H (ppm)			
		Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
6.	Chì (Pb)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	<0,001	15	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	51,4	231,6
7.	Coban (Co)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,002	80	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	5,77	1.235
8.	Asen (As)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,002	2	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	4,59	30,88
9.	Antimon (Sb)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,015	1	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	52,6	15,44
10.	Molybden (Mo)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,079	350	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	3,66	5.404
11.	Valadi (V)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,003	25	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	10,5	386
12.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,025	250	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	622,8	3.860
13.	Beri (Be) và các hợp chất tính theo Be	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	<0,001	0,1	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	0,076	1.544
14.	Niken (Ni)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,096	70	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	34,8	1.0801
15.	Selen (Se)	US EPA Method 1311: 2007 + SMEWW 3125B: 2017	0,012	1	US EPA Method 3051B:2007 + SMEWW 3125:2017	1,75	15,44
16.	Crom (VI)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	<0,15	5	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	<6	77,2
17.	Tính kiềm	US EPA Method 9045D	11,93	≥12,5	US EPA Method 9045D	11,93	≥12,5
18.	Tính axit	US EPA Method 9045D	11,93	≤2	US EPA Method 9045D	11,93	≤2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 22-10

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 2/3



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 366 - VIMCERT 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



**Ghi chú:** - QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại  
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối ( $H_{ic}$ , ppm) được tính bằng công thức sau:

$$H_{ic} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó:

- H (ppm) là giá trị quy định trong cột «Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H» của Bảng 1 của Quy chuẩn làm cơ sở tính toán giá trị  $H_{ic}$ .
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải;  $T=0,76$
- 01S2011.215: TX1: Tại thùng chứa tro xỉ lò đốt số 3

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

PHÒNG PHÂN TÍCH  
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

KT. VIÊN TRƯỞNG  
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

*(Signature)*

Vũ Văn Tú

*(Signature)*

Phạm Hải Long




1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 22-10

Ngày hiệu lực: 01/8/2019

Trang: 3/3

## II. Thông tin về doanh nghiệp

<b>Tên tiếng Việt</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY XÂY DỰNG VINABIMA TIÊN SƠN
<b>Tên tiếng Anh</b>	Tien Son Vinabima Construction Machinery Joint Stock Company
<b>Tên viết tắt</b>	Tien Son Vinabima., JSC
<b>Nhận diện thương hiệu</b>	
<b>Mã số thuế</b>	2300503368
<b>Trụ sở chính</b>	Đường TS11, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
<b>Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Ngọc Tín
<b>Di động</b>	0913 236 407
<b>Website</b>	<a href="http://www.vinabima.com.vn">www.vinabima.com.vn</a>
<b>Email</b>	<a href="mailto:tinbima@gmail.com">tinbima@gmail.com</a>



Nhà máy Vinabima Tiên Sơn tại KCN Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

### III. Một số dự án đã thực hiện

TT	Năm	Đơn vị	Mặt hàng	Số lượng	Địa chỉ lắp đặt
1	2014	- Công ty TNHH Môi trường Tân Trường Lộc	Lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 1500kg/giờ	01 lò	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
2	2015	- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	Lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
3	2016	- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	Lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 2000kg/giờ	01 lò	Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
4	2018	- Công ty CP Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình	Lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 4000kg/giờ	01 lò	TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
5	2018	- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	Lò đốt chất thải công nghiệp công suất 2000kg/giờ	01 lò	Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
6	2018	- Công ty CP Kỹ thuật hạ tầng và công nghệ môi trường Bình Minh. - Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 (Urenco11)	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 4000kg/giờ	02 lò	Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

7	2018	- Công ty TNHH Viễn Đông	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 4000kg/giờ	01 lò	Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
8	2019	- Hợp tác xã Thành Công	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
9	2019	- Công ty CP Môi trường đô thị và xây dựng tỉnh Điện Biên	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
10	2020	- Công ty CP Môi trường Thuận Thành	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
11	2021	- Hợp tác xã Thành Công	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 4000kg/giờ	01 lò	Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
12	2021	- Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Tư Nghĩa, T. Quảng Ngãi
13	2022	- Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng 1 Hà Nội (Investco1). - Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 (Urenco11)	Lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại công suất 4000kg/giờ	02 lò	Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

14	2023	Công ty CP Xây dựng Môi trường Thương mại Hoàng Gia Quân	Lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại công suất 2000kg/giờ	01 lò	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
15	2024	- Công ty CP Môi trường đô thị và xây dựng tỉnh Điện Biên	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
16	2024	- Công ty CP Môi trường Quảng Ninh	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 3000kg/giờ	01 lò	Huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

#### IV. Một số hình ảnh thực tế Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 4000kg/giờ x 2 lò tại công ty Urenco 11, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.*



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 3000kg/giờ tại nhà máy xử lý rác thải  
Nghĩa Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi.*



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 4000kg/giờ lắp tại xã Tràng Lương,  
thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.*



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 4000kg/giờ x 2 lò tại Nhà máy xử lý rác thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.*



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 3000kg/giờ tại xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.*



*Lò đốt rác sinh hoạt RS-Vinabima công suất đốt 3000kg/giờ tại xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.*



*Lò đốt rác sinh hoạt có thu hồi nhiệt RS-Vinabima công suất đốt 3000kg/giờ tại Nhà máy xử lý rác thải huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.*



**Công ty CP Máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn**

Địa chỉ: Đường TS11, KCN Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Tel: 0913 236 407

Email: [tinbima@gmail.com](mailto:tinbima@gmail.com) Website: [vinabima.com.vn](http://vinabima.com.vn)